

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **13900/BTC-CST**

Hà Nội, ngày **18 tháng 12 năm 2024**

V/v lấy ý kiến về dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xây dựng hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (tài liệu gửi kèm gồm: Dự thảo Tờ trình Chính phủ; dự thảo Nghị quyết; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp; Báo cáo đánh giá tác động).

Đề nghị Quý cơ quan, đơn vị nghiên cứu có ý kiến với hồ sơ dự án Nghị quyết.

Ý kiến xin gửi về Bộ Tài chính **trước ngày 18/01/2025** (đồng thời, gửi file về địa chỉ: nguyennhanchinh@mof.gov.vn; điện thoại: 024-22202828, máy lẻ 5082).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan, đơn vị. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng tải);
- Công TTĐT Bộ Tài chính (để đăng tải);
- Lưu: VT, CST (3 b)./s/

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH****Dự án Nghị quyết của Quốc hội
về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 và căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), Bộ Tài chính xin trình Chính phủ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) bền vững, giữ vững ổn định chính trị.

Hiến pháp năm 2013 đã hiến định: “Đất đai... là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”; “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”; Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn “Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế...”.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, Nhà nước đã ban hành các chính sách tài chính đối với đất đai, trong đó chính sách thuế SDĐNN được xây dựng nhằm khuyến khích SDĐNN có hiệu quả, thực hiện công bằng, hợp lý sự đóng góp của tổ chức, cá nhân SDĐNN vào ngân sách nhà nước (NSNN), tạo nguồn lực mới để phát triển KT-XH, góp phần thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã luôn quan tâm đến việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách thuế đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phù hợp với thông lệ quốc tế. Các văn kiện, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước gần đây đã tiếp tục đề ra nhiều chủ trương, định hướng quan trọng cho việc hoàn thiện chính sách thuế nói chung và chính sách thuế SDĐNN nói riêng. Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN trong thời gian tới nhằm tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, cụ thể như sau:

- Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn có nêu: “*Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta*”; và đưa ra giải pháp: “*Đẩy mạnh chủ trương tích tụ, tập trung đất đai phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, có sức cạnh tranh cao...*”; “*Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, trước hết là cơ chế, chính sách có liên quan đến đất đai, thuế...*”.

- Tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đã nêu giải pháp: “*Hoàn thiện chính sách thuế đối với đất nông nghiệp nhằm khuyến khích, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khắc phục tình trạng đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích*”.

- Tại Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030 đưa ra nhiệm vụ, giải pháp: “*Tiếp tục cơ cấu lại để phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ lương thực, thực phẩm theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị*”; “*rà soát, sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách đất đai, tài chính, bảo hiểm, tín dụng, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững*”.

- Tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao: “*...Rà soát chính sách pháp luật về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDĐPN) và thuế SDĐNN, xây dựng chính sách, pháp luật về thuế sử dụng đất theo thông lệ quốc tế, phù hợp với trình độ phát triển, điều kiện cụ thể và lộ trình thích hợp...*”.

- Tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có nêu nhiệm vụ, giải pháp: “*...Hoàn thiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật đất đai bảo đảm quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp, thúc đẩy tích tụ, tập trung, sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất lúa... Hoàn thiện chính sách phát triển trang trại, kinh tế hộ, kinh tế tập thể, liên kết...*”.

- Tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới đưa ra nhiệm vụ, giải pháp: “*Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể tích tụ đất đai cho sản xuất kinh doanh, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp để hình thành chuỗi sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp quy mô lớn*”.

- Tại Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024) đã quy định về khuyến khích đầu tư sử dụng đất đai: “*Tập trung đất đai*

để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp quy mô lớn” (Điều 8); “Nhà nước có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện tập trung đất để sản xuất nông nghiệp” (khoản 3 Điều 192).

- Tại Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, yêu cầu không được: “*chỉ đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ*”; Thông báo Kết luận số 30-TB/BCĐTW ngày 15/01/2023 của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng tại Phiên họp thứ 23, ngày 12/01/2023 của Ban Chỉ đạo: “*...Khẩn trương rà soát, khắc phục những sơ hở, bất cập trong chính sách, pháp luật liên quan đến ngân hàng, tài chính... và các vấn đề cụ thể mà các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đã kiến nghị, đề xuất*”; Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “*ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật*”); Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH15 ngày 30/8/2023 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “*Tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc kiểm soát quyền lực phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật*”); Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

- Tại Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 nêu giải pháp: “*Tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng mở rộng quy mô trang trại*”.

- Tại Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị giao Bộ Tài chính: “*Chủ trì rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách thuế, phí theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành nông nghiệp, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn*”.

- Tại điểm c khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành VBQPPL quy định: “*Quốc hội ban hành Nghị quyết để kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Luật, Nghị quyết của Quốc hội, đáp ứng yêu cầu cấp bách về phát triển KT-XH, đảm bảo quyền con người, quyền công dân*”.

Thực hiện các chủ trương nêu trên, để khuyến khích hơn nữa tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại; khuyến khích phát triển xây dựng cánh đồng lớn; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, đẩy nhanh ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp đạt năng suất, chất

lượng cao thì cần thiết phải tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN trong giai đoạn tới.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1 Tình hình thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN trong thời gian qua

Chính sách thuế SDĐNN được thực hiện theo quy định của Luật Thuế SDĐNN năm 1993, Pháp lệnh số 31-L/CTN ngày 29/3/1994 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) về thuế bổ sung đối với hộ gia đình SDĐNN vượt quá hạn mức diện tích đất.

Theo quy định của Luật Thuế SDĐNN thì tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp phải nộp thuế SDĐNN. Đối tượng chịu thuế SDĐNN là đất dùng vào sản xuất nông nghiệp bao gồm đất trồng trọt; đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản; đất rừng trồng. Căn cứ tính thuế SDĐNN được xác định theo diện tích đất, hạng đất và định suất thuế tính bằng kg thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất (Trong đó, hạng đất căn cứ vào các yếu tố: Chất đất, vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu và thời tiết, điều kiện tưới tiêu; Định suất thuế tính bằng kg thóc/ha quy định riêng đối với từng loại đất: Đất trồng cây hàng năm và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản từ 50 kg đến 550 kg thóc/ha; Đất trồng cây lâu năm từ 80 kg đến 650 kg thóc/ha; Cây ăn quả lâu năm trồng trên đất trồng cây hàng năm bằng 1,3 lần thuế đối với đất trồng cây hàng năm cùng hạng 1, 2, 3 và bằng thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng 4, 5, 6; riêng đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần: thuế SDĐNN tính bằng 4% giá trị sản lượng khai thác. Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá thị trường tại địa phương).

Luật Thuế SDĐNN quy định việc miễn, giảm thuế SDĐNN như sau: (i) Miễn thuế đối với đất đồi, núi trọc dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; đối với các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa; đối với hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3; (ii) Miễn thuế có thời hạn đối với đất khai hoang dùng vào sản xuất; đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả; hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp; (iii) Giảm thuế trong trường hợp thiên tai, dịch họa làm thiệt hại mùa màng; đối với hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế mà đời sống có nhiều khó khăn; (iv) Miễn thuế hoặc giảm thuế cho các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới và hải đảo và đối với các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn; đối với hộ nộp thuế là gia đình liệt sỹ.

Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN được thực hiện từ năm 2001 đến nay. Theo quy định hiện hành thì chính sách thuế SDĐNN đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025 theo Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày

10/6/2020 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Tổng kết, đánh giá 20 năm thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN cho thấy, tổng số thuế SDĐNN miễn, giảm giai đoạn 2003-2010 trung bình khoảng 3.268,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn từ 2011-2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2017-2018 và đến hết năm 2020 khoảng 7.438,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2021-2023 trung bình khoảng 7.500 tỷ đồng/năm. Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là giải pháp có tác động lớn, quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ; góp phần hỗ trợ trực tiếp người nông dân, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn; khuyến khích tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại hóa, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân, tạo việc làm cho khu vực nông thôn, khuyến khích người nông dân gắn bó hơn với đất, yên tâm đầu tư sản xuất nông nghiệp; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2. Tiếp tục khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là ba thành tố không thể tách rời, có vai trò, vị trí trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở, lực lượng to lớn trong phát triển KT-XH. Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, nguồn lực của đất nước phải tiếp tục ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trong đó, tổ chức, doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm, đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển ngành nông nghiệp.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp thì vốn và đất đai là hai nguồn lực quan trọng nhất. Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp cận đất đai, trong thời gian qua, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp (như đã nêu tại điểm 1 mục này), trong đó có chính sách miễn thuế SDĐNN. Các chính sách này được đánh giá là có tác động tích cực, góp phần giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp, thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Tuy nhiên, việc khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn nhiều hạn chế, đặc biệt là quỹ đất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiện nay còn nhiều tồn tại. Tổ chức kinh tế tập thể¹, đặc biệt là hoạt động phát triển của hợp tác xã nông nghiệp đa số có quy mô nhỏ², chủ yếu phát triển theo chiều rộng, không

¹ Kinh tế tập thể với nhiều hình thức tổ chức kinh tế hợp tác đa dạng, phát triển từ thấp đến cao: tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã... trong đó hợp tác xã là nòng cốt.

² Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. II, tr. 62.

đồng đều giữa các địa phương, hiệu quả thấp và sức cạnh tranh chưa cao³, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn khá khiêm tốn. Thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho thấy hiện cả nước có khoảng trên 50.000 doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, một con số rất khiêm tốn so với tổng số trên 900.000 doanh nghiệp đang hoạt động ở nước ta. Số doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 5,5% tổng số doanh nghiệp trên cả nước, trong đó có khoảng 96% là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. So với tiềm năng và tỷ trọng ngành nông nghiệp trong nền kinh tế, số lượng doanh nghiệp như hiện nay còn khá ít, quy mô của các doanh nghiệp nông nghiệp còn hạn chế, sự phát triển của các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp còn rất khiêm tốn so với tiềm năng, lợi thế phát triển, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Theo đó, để góp phần đạt mục tiêu về số lượng doanh nghiệp hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp đến năm 2030 và tăng tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 3%/năm, việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN đối với các tổ chức trực tiếp SDĐNN để sản xuất nông nghiệp là một trong những giải pháp hỗ trợ hiệu quả.

Đối với hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp cũng cần phải tiếp tục có chính sách ưu đãi miễn thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo nhằm hỗ trợ, khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để đầu tư sản xuất nông nghiệp. Việc thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN đối với hộ gia đình, cá nhân cùng với các chính sách khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp sẽ tạo ra thể chế chính sách ưu đãi thống nhất, hợp lý để khuyến khích các nguồn lực đầu tư của xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp.

2.3. Tiếp tục góp phần bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia và ổn định KT-XH

An ninh lương thực quốc gia là vấn đề quan trọng, thiết yếu của đất nước cả trước mắt và lâu dài, đặc biệt nguồn cung và khả năng tiếp cận lương thực đang chịu tác động lớn từ tình hình thương mại toàn cầu biến động, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, quá trình công nghiệp hóa. Một trong các mục tiêu đến năm 2030⁴ để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia là nâng cao hiệu quả SDĐNN, giữ ổn định 3,5 triệu ha đất lúa.

Lý luận và thực tiễn đều khẳng định tập trung đất đai trong nông nghiệp là một xu thế tất yếu để đưa sản xuất nông nghiệp lên sản xuất hàng hóa, tập trung có quy mô lớn, có liên kết chặt chẽ, có kế hoạch và phân phối lợi ích hài hòa giữa sản xuất và tiêu thụ nông sản hàng hóa. Kinh nghiệm đối với tập trung đất nông nghiệp để phát triển sản xuất hàng hóa tại các nước trên thế giới⁵ cho thấy các

³ Theo báo cáo của Liên minh hợp tác xã Việt Nam, tính đến năm 2023, cả nước có 20.500 hợp tác xã nông nghiệp, chiếm 66,7% tổng số hợp tác xã hoạt động với hai mô hình chủ yếu là hợp tác xã kinh doanh tổng hợp và hợp tác xã chuyên ngành.

⁴ Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về đàm phán an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030.

⁵ Nhà nước có chính sách đất đai để tạo điều kiện cho quá trình tập trung ruộng đất nhằm hình thành các mô hình trang trại có quy mô lớn (Mỹ, Hà Lan); Nhà nước có chính sách hỗ trợ về tín dụng, tài chính đối với các mô hình sử dụng đất tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản).

quốc gia đều có đặc điểm chung là quản lý thông qua tác động chính sách tới SDDNN cho phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ. Cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, các hỗ trợ chính sách tài chính của Nhà nước là phổ biến, thực tiễn và có hiệu quả.

Sản xuất nông nghiệp của Việt Nam đang dần được cải thiện về quy mô và chất lượng nhưng hiệu quả vẫn chưa cao. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do việc đất sử dụng trong sản xuất nông nghiệp hiện còn manh mún, phân tán nhỏ lẻ, đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp trên diện rộng không nhiều, gây trở ngại lớn cho việc phát triển sản xuất trên quy mô lớn và khó khăn trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến. Trong những năm qua, việc hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách bảo đảm an ninh lương thực quốc gia tập trung vào chính sách đất đai, tài chính, bảo hiểm, tín dụng nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững. Pháp luật về đất đai và các pháp luật có liên quan đã tạo hành lang pháp lý tương đối thuận lợi cho quá trình tập trung đất đai, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn. Đặc biệt, chính sách pháp luật đất đai⁶ quy định về “tập trung, tích tụ đất nông nghiệp” được kỳ vọng sẽ góp phần thúc đẩy lĩnh vực nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững và hiệu quả hơn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, từng bước khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún trong lĩnh vực nông nghiệp.

Việc tiếp tục miễn thuế SDDNN trong thời gian tới sẽ là một trong các chính sách tài chính hữu hiệu của Nhà nước trong việc khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai để đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa, chuyên canh hóa tập trung, quy mô lớn, từ đó cụ thể hóa các mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn nước ta những năm tới.

2.4. Tiếp tục góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

Xác định nông nghiệp là lợi thế quốc gia, mục tiêu đến năm 2045 của Việt Nam⁷ là nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hóa nông sản ngày càng lớn, có giá trị gia tăng, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước, xuất khẩu nhiều loại nông sản đứng hàng đầu thế giới.

Hiện nay, hội nhập kinh tế quốc tế đã giúp ngành nông nghiệp Việt Nam tham gia thành công vào chuỗi giá trị toàn cầu. Việt Nam trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị nông sản toàn cầu, nằm trong nhóm 15 quốc gia xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới và đứng thứ 2 trong khu vực Đông Nam Á⁸. Chính sách

⁶ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024) đã hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý, SDDNN theo hướng mở rộng hạn mức nhận chuyển quyền SDDNN lên không quá 15 lần hạn mức giao đất tại địa phương. Mở rộng đối tượng được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp cho tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Bổ sung quy định về các hình thức tập trung, tích tụ đất đai cho sản xuất nông nghiệp, cơ chế góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại quyền sử dụng đất đối với các dự án tập trung đất nông nghiệp.

⁷ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁸ Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững.

miễn, giảm thuế SDĐNN là một trong những chính sách hỗ trợ tài chính của Nhà nước cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Trong giai đoạn vừa qua, Quốc hội đã liên tiếp mở rộng diện miễn, giảm thuế SDĐNN nhằm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, góp phần tạo nguồn lực cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư nâng cao giá trị gia tăng của các ngành sản xuất nông nghiệp, góp phần đưa Việt Nam dẫn đầu trong xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản (gỗ, thủy sản, điều, tiêu...), khẳng định năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong hoạt động sản xuất sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Theo số liệu tổng hợp từ Tổng cục Thống kê, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính cho thấy: Giai đoạn 2001-2010, giai đoạn đầu thực hiện miễn, giảm thuế SDĐNN, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam từ 1 con số đã tăng lên 2 con số: Năm 2001, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chỉ đạt 4,7 tỷ USD; năm 2005, đã tăng lên 8,5 tỷ USD, gấp 2,1 lần năm 2001; năm 2007 đạt 10,9 tỷ USD và đến năm 2010 đạt 19,15 tỷ USD (tăng gần 5 lần so với năm 2001).

Giai đoạn 2011-2018 (giai đoạn tiếp tục mở rộng đối tượng được miễn, giảm thuế SDĐNN và tiến tới miễn thuế SDĐNN), kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng vượt bậc, góp phần quan trọng vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đưa Việt Nam lọt vào top 15 nước xuất khẩu nông sản lớn nhất trên thế giới. Năm 2011, kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 25 tỷ USD. Đến năm 2018, kim ngạch xuất khẩu nông sản đã đạt khoảng 40,5 tỷ USD (tăng 10 lần so với năm 2001). Trong giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam năm 2019, 2020 vẫn đạt con số ấn tượng 41,2 tỷ USD.

Giai đoạn 2021-2023 (giai đoạn kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN theo Nghị quyết số 107/2020/QH14): Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tăng từ 48,70 tỷ USD (năm 2021) đến 53,22 tỷ USD (năm 2022, 2023).

Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới gắn kết chặt chẽ với nền kinh tế khu vực và toàn cầu. Trong những năm qua, Việt Nam đã và đang thực hiện nhiều Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) với phạm vi và cam kết sâu rộng. Các Hiệp định thương mại tự do là cơ hội lớn đẩy mạnh xuất khẩu của Việt Nam trong lĩnh vực nông sản, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế, tăng cường cơ hội thu hút dòng vốn FDI, nâng cao giá trị gia tăng của các ngành sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, hàng nông sản của các nước đối tác cũng được hưởng những thuận lợi tương tự khi vào thị trường Việt Nam, do đó sức ép cạnh tranh ngay tại thị trường trong nước cũng rất lớn đối với hàng nông sản của Việt Nam. Ngoài ra, trong những năm gần đây, với xu hướng bảo hộ mậu dịch⁹ của các nước trên thế giới và những thách thức nội tại của ngành nông nghiệp (như biến đổi khí hậu, liên

⁹ Bảo hộ mậu dịch là một thuật ngữ kinh tế học, chỉ việc áp dụng các biện pháp để bảo vệ ngành sản xuất hàng hóa (hay dịch vụ) của quốc gia bằng cách nâng cao tiêu chuẩn như chất lượng, vệ sinh, môi trường, xuất xứ... hoặc áp đặt thuế nhập khẩu cao đối với một số mặt hàng; được sử dụng trong quan hệ thương mại giữa các nước. Các biện pháp này hiện được các nước gia tăng sử dụng như giải pháp ứng phó với tác động suy thoái sau dịch Covid-19 và các rủi ro tiềm tàng từ các yếu tố biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.

kết giá trị nông sản, biến động giá thị trường,...) đã khiến cạnh tranh xuất khẩu nông sản trở nên khốc liệt hơn. Điều này đòi hỏi nông nghiệp Việt Nam phải được phát triển toàn diện, theo hướng bền vững, sản xuất hàng hóa quy mô lớn có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

Vì vậy, để đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng cường cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, phấn đấu đến năm 2030 đưa nông nghiệp Việt Nam đứng trong số 15 nước phát triển nhất thế giới thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN là một giải pháp khuyến nông cần thiết để nâng cao giá trị gia tăng và kết nối chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững.

2.5. Tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập của người nông dân, góp phần giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới

Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Mục tiêu cao nhất trong phát triển nông nghiệp, nông thôn là nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của người nông dân và cư dân nông thôn¹⁰.

Giải quyết việc làm cho nông dân là nhiệm vụ ưu tiên xuyên suốt trong mọi chương trình phát triển KT-XH của cả nước. Đặc biệt, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề lao động có vai trò quan trọng, mang tính cấp thiết, lâu dài đối với sự phát triển bền vững nền kinh tế. Một trong những mục tiêu quan trọng của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn. Mặc dù trong những năm qua, xu hướng đô thị hóa đang gia tăng, nhưng khoảng hơn 60% lực lượng lao động nước ta tập trung ở nông thôn¹¹, năng suất lao động nông nghiệp thấp, tỷ suất lợi nhuận trong lĩnh vực nông nghiệp không cao nên sản phẩm thặng dư do ngành nông nghiệp tạo ra là ít.

Xét về mặt kinh tế thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN là biện pháp khuyến nông thông qua thuế, tạo cơ sở cho tập trung đất nông nghiệp để phát triển nông nghiệp hiện đại theo hướng ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tỷ trọng lao động nông nghiệp ở nông thôn. Hiệu ứng về mặt xã hội của chính sách miễn thuế SDĐNN là thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển hình thức kinh tế trang trại và ứng dụng khoa học công nghệ đã tạo ra nhiều việc làm hơn trong khu vực nông thôn, giảm áp lực lao động đi làm tại các địa phương khác hoặc xuất khẩu lao động, từ đó giúp tăng thu nhập cho lực lượng lao động nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Theo đó, bên cạnh các chính sách nâng cao năng lực, đào tạo lao động ngành nông nghiệp của Nhà nước để tăng năng suất lao động, tạo nguồn lực phát triển nông nghiệp thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN là một trong các giải pháp

¹⁰ Nghị quyết số 19-NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

¹¹ Theo số liệu của Tổng cục thống kê năm 2023, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2023 đạt 52,4 triệu người, trong đó, lực lượng lao động ở khu vực thành thị là 19,5 triệu người, chiếm 37,3%, khu vực nông thôn là 32,9 triệu người, chiếm 62,7%.

phù hợp nhằm tạo thêm việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp tại khu vực nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo.

2.6. Đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và thông lệ quốc tế

Thông lệ quốc tế cho thấy, phần lớn các nước có quy định về thuế SDĐNN. Một số quốc gia (*Albani, Armenia, Ai Cập*) có sắc thuế riêng đánh vào đất nông nghiệp, trong khi một số quốc gia đưa đất nông nghiệp vào đối tượng đánh thuế bất động sản (BDS) (*như: Canada, Argentina; Chi lê, Mêxicô, Ấn Độ*). Một số ít nước ban hành Luật Thuế riêng về SDĐNN tương tự Việt Nam (*như: Albania, Bulgari, Georgia, Ba Lan, Trung Quốc...*).

Mặc dù việc SDĐNN bị đánh thuế là phổ biến, tuy nhiên, các quốc gia đều có hình thức hỗ trợ lĩnh vực nông nghiệp nói chung, người nông dân nói riêng. Tùy vào mục tiêu khác nhau như mục tiêu chính trị, mục tiêu khuyến khích đầu tư sản xuất nông nghiệp hoặc mục tiêu giảm chi phí quản lý thuế mà các nước có các chính sách ưu đãi thuế đối với việc SDĐNN khác nhau như: áp dụng mức thuế suất đối với đất nông nghiệp thấp hơn mức thuế suất đối với đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (*Nga, Canada, Thái Lan, Hàn Quốc...*); quy định miễn thuế SDĐNN (*như: Cộng hòa Ai-len, Anh*). Ngay cả ở những quốc gia mà đất nông nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế BDS thường có hình thức miễn, giảm nào đó cho đất nông nghiệp hoặc công trình trên đất nông nghiệp¹². Một số quốc gia OECD không đưa BDS nông nghiệp vào cơ sở tính thuế BDS¹³. Ở Canada và Hoa Kỳ, đất nông nghiệp không được miễn thuế, tuy nhiên, BDS nông nghiệp thường nhận được hình thức ưu đãi khác¹⁴. Bên cạnh các chính sách hỗ trợ, khuyến khích dành cho lĩnh vực nông nghiệp¹⁵, trợ cấp nông nghiệp¹⁶ thì miễn thuế SDĐNN được các nước sử dụng như một kênh hỗ trợ người nông dân và khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực.

Việc miễn thuế SDĐNN không trái với các quy định về trợ cấp tại các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã đàm phán, ký kết¹⁷, trong đó có Hiệp định EVFTA và CPTTP.

Như vậy, việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN là phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc sử dụng chính sách thuế như công cụ tài chính để góp phần khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp.

¹² Ví dụ như Kosovo quy định mức thuế suất thấp hơn cho BDS sử dụng cho nông và lâm nghiệp. Nhật Bản áp dụng hệ số tính thuế 45% giá trị thị trường cho đất nông nghiệp.

¹³ Phần Lan, Đức, Hungary, Ai-len, Hà Lan, Na Uy, Ba Lan, Slovenia, Thụy Điển, Anh.

¹⁴ Ví dụ như tại Canada, một trong những phương thức mà chính quyền bang hỗ trợ cho nông dân là thông qua “Chương trình thuế trang trại”, nếu chủ sở hữu trang trại đáp ứng điều kiện của chương trình thì phần đất trang trại chỉ chịu thuế không quá 25% mức thuế suất mà chính quyền nơi đó quy định.

¹⁵ Như không đánh thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (Ấn Độ); ưu đãi thuế VAT đối với các sản phẩm nông nghiệp (Mỹ, Hà Lan), miễn thuế chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (Úc).

¹⁶ Ví dụ như nông dân các nước khu vực Châu Âu đều được hưởng chương trình trợ cấp nông nghiệp (EU’s Common Agricultural Policy) vì họ sở hữu hoặc quản lý đất đai.

¹⁷ Theo Bộ Ngoại giao, biện pháp miễn thuế SDĐNN thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định nông nghiệp của WTO, tuy nhiên, biện pháp này được đánh giá đáp ứng các tiêu chí và điều kiện quy định của “hộp xanh lá cây”. Đối với Hiệp định CPTPP (có hiệu lực từ ngày 14/1/2019) và EVFTA (có hiệu lực vào ngày 01/8/2020) thì các cam kết của Việt Nam không đề cập tới việc miễn, giảm thuế SDĐNN.

Từ những phân tích nêu trên, để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDDNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục hỗ trợ, tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế thì cần thiết tiếp tục miễn thuế SDDNN cho giai đoạn tiếp theo.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Thê chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao hơn nữa giá trị sản phẩm nông nghiệp, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục phát huy kết quả đạt được của chính sách miễn thuế SDDNN.

- Đảm bảo phù hợp thông lệ quốc tế.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Pháp luật về đất đai quy định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất là một biện pháp được sử dụng phổ biến nhằm duy trì được sinh kế lâu dài; khuyến khích việc cải tạo, bảo vệ đất, khai thác, sử dụng đất đai bền vững và hiệu quả, đồng thời tạo nguồn thu cho NSNN, là công cụ để Nhà nước quản lý đất đai, điều tiết thị trường BĐS.

Theo đó, quan điểm chỉ đạo xây dựng Nghị quyết theo các nguyên tắc sau:

a) Việc xây dựng dự án Nghị quyết phù hợp với Hiến pháp năm 2013; thực hiện đúng các chủ trương của Đảng, Nhà nước đã nêu tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Kết luận số 81-KL/TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030; Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030; Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X

về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

b) Kế thừa và phát huy những quy định đã được thực hiện ổn định, mang lại tác động tích cực đến KT-XH.

c) Đảm bảo tiếp thu những kinh nghiệm quốc tế có giá trị phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định việc: (i) Kéo dài thời gian miễn thuế SDĐNN theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14; (ii) Hiệu lực thi hành của chính sách.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của chính sách là:

- Người nộp thuế là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình SDĐNN;
- Cơ quan quản lý, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Dự án Nghị quyết đã được gửi lấy ý kiến Bộ, ngành, địa phương; đồng thời, lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân thông qua Công thông tin điện tử của Chính phủ và Công thông tin điện tử của Bộ Tài chính. Các ý kiến đóng góp đã được Bộ Tài chính tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình.

Ngày .../.../..., Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số...., Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 2 Điều:

- Điều 1: Quy định về kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN được quy định tại các Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14, Nghị quyết số 107/2020/QH14.

- Điều 2: Quy định về điều khoản thi hành từ ngày 01/01/2026.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

2.1. Nội dung dự thảo Nghị quyết

Chính sách thuế SDĐNN đã thực hiện được hơn 30 năm và hiện đang miễn thuế đến hết ngày 31/12/2025 theo Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Đánh giá chính sách thuế SDĐNN qua hơn 30 năm thực hiện cho thấy đến

nay có những quy định không còn phù hợp với điều kiện KT-XH hiện nay như cách xác định thuế lạc hậu, giá trị thu được thấp (thuế được tính bằng thóc, thu bằng tiền) và phần lớn các nội dung hiện không còn được áp dụng trên thực tế do thi hành chính sách miễn thuế SDĐNN cho toàn bộ diện tích đến hết ngày 31/12/2025. Chính sách thuế SDĐNN mặc dù được ban hành từ năm 1993 nhưng thực tế, từ năm 2001 đến nay, chính sách thuế SDĐNN chỉ thay đổi về quy định ưu đãi thuế (miễn, giảm) nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Nguồn thu từ thuế SDĐNN rất nhỏ, chỉ mang tính chất bù đắp một phần nhỏ để hỗ trợ chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp (số thu chỉ chiếm khoảng 0,00057% tổng thu NSNN năm 2023). Việc miễn thuế SDĐNN trong thời gian qua mặc dù làm giảm thu NSNN (tổng số thuế miễn, giảm giai đoạn 2003-2010 trung bình khoảng 3.268,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn từ 2011-2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2017-2018 và đến hết năm 2020 khoảng 7.438,5 tỷ đồng/năm); giai đoạn 2021-2023 trung bình khoảng 7.500 tỷ đồng/năm nhưng đây là giải pháp góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại hóa, giảm bớt khó khăn cho người nông dân, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển bền vững; và phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế. Đồng thời, việc quy định miễn thuế SDĐNN không gây xung đột, vướng mắc trong quan hệ thương mại với các nước, không vi phạm các cam kết quốc tế của Việt Nam khi gia nhập WTO. Việc miễn thuế SDĐNN thời gian qua chưa gặp vướng mắc phát sinh. Các địa phương đều cho rằng việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN như quy định hiện hành cho giai đoạn tiếp theo là cần thiết.

Do đó, để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDĐNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành VBQPPL¹⁸, Bộ Tài chính trình Chính phủ trình Quốc hội ban hành Nghị quyết của Quốc hội để kéo dài thời gian thực hiện miễn thuế SDĐNN theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH15 đến hết ngày 31/12/2030.

2.2. Đánh giá tác động của dự án Nghị quyết

a) Tác động tích cực

¹⁸ Quốc hội ban hành Nghị quyết để kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Luật, Nghị quyết của Quốc hội, đáp ứng yêu cầu cấp bách về phát triển KT-XH, đảm bảo quyền con người, quyền công dân.

Việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN đến hết năm 2030 sẽ không làm giảm thu do đây là chính sách đang được thực hiện trên thực tế. Với đề xuất kéo dài thời gian miễn thuế SDĐNN như quy định hiện hành đến hết ngày 31/12/2030 thì số thuế SDĐNN được miễn khoảng 7.500 tỷ đồng/năm. Đây sẽ tiếp tục là hình thức hỗ trợ trực tiếp tới người nông dân, là nguồn đầu tư tài chính trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó giúp tạo công ăn việc làm cho người nông dân, cải thiện cuộc sống, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp, góp phần khuyến khích đầu tư, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển bền vững. Đồng thời, thể hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phù hợp với Chiến lược phát triển KT-XH 5 năm, quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp, đảm bảo tính khả thi của chính sách.

b) Tác động tiêu cực

Việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN đến hết năm 2030 không có hạn chế đáng kể nào do hiệu ứng tích cực về tác động KT-XH của việc thực hiện miễn thuế SDĐNN theo Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 trong thời gian qua, ngoại trừ việc kéo dài thời gian miễn thuế SDĐNN sẽ không làm tăng số thu NSNN.

c) Tác động về thủ tục hành chính và bình đẳng giới

Dự thảo Nghị quyết không quy định về thủ tục hành chính và vấn đề bình đẳng giới, do đó không phát sinh chi phí tuân thủ thủ tục hành chính và không gây bất bình đẳng về giới.

VI. TÍNH TƯƠNG THÍCH, SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG CHÍNH SÁCH ĐƯỢC ĐỀ XUẤT VỚI CÁC CAM KẾT QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

Qua rà soát về các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, Bộ Tài chính thấy rằng các nội dung chính sách được đề xuất tại đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết đều đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không trái với các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên.

Theo Bộ Ngoại giao, biện pháp miễn thuế SDĐNN thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định nông nghiệp của WTO, tuy nhiên, biện pháp này được đánh giá đáp ứng các tiêu chí và điều kiện quy định của “hộp xanh lá cây”. Đối với Hiệp định CPTPP (có hiệu lực từ ngày 14/01/2019) và EVFTA (có hiệu lực vào ngày 01/8/2020) thì các cam kết của Việt Nam không đề cập tới việc miễn, giảm thuế SDĐNN.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực

Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị quyết như sau:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

- Từ các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các VBQPPL hướng dẫn thi hành Nghị quyết phù hợp với quy định của Nghị quyết và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị quyết và các quy định liên quan. Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị quyết kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị quyết, ngoài nguồn kinh phí do NSNN cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị quyết và các VBQPPL quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết.

Trên đây là Tờ trình về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Tài liệu trình kèm: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế SDĐNN; Báo cáo đánh giá tác động; Báo cáo rà soát chính sách miễn thuế SDĐNN với các VBQPPL có liên quan; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân; Bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan; Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phúc (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, CST (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

Nghị quyết số: ... /20../QH15

DỰ THẢO 2

NGHỊ QUYẾT

Về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp số 23-L/CTN;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO**Rà soát chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp
với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan**

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (sau đây gọi chung là dự án Nghị quyết). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT**1. Mục đích, yêu cầu rà soát****1.1. Mục đích rà soát**

Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) được thực hiện nhằm tránh việc chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy định của dự án Nghị quyết với các luật khác có liên quan để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

1.2. Yêu cầu rà soát

Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Nghị quyết được thực hiện dựa trên yêu cầu sau đây:

- Rà soát đầy đủ các nhóm luật có nội dung quy phạm pháp luật liên quan đến chính sách miễn thuế SDĐNN nhằm phát hiện các luật có nội dung vướng mắc, chưa thống nhất với pháp luật về miễn thuế SDĐNN.

- Rà soát, xác định rõ những nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp hiện hành; những nội dung cần sửa đổi, bổ sung phải có quy định rõ ràng, minh bạch.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- Phạm vi rà soát: Chính sách miễn thuế SDĐNN hiện hành, gồm các Nghị quyết: *Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội.*

- Nội dung rà soát: Đánh giá sự phù hợp, mâu thuẫn, chồng chéo tại quy định về miễn thuế SDĐNN với pháp luật có liên quan để đề xuất hướng sửa đổi, hoàn thiện chính sách, đảm bảo phù hợp, thống nhất với pháp luật có liên quan.

- Đối tượng rà soát: Các quy định, Điều khoản cụ thể tại các Nghị quyết về miễn thuế SĐĐNN và các luật có liên quan.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả chung

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung dự án Nghị quyết: Qua rà soát đã xác định được có 03 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Nghị quyết bao gồm các văn bản sau: Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Kết quả cụ thể

Qua rà soát, đối tượng miễn thuế SĐĐNN hiện hành là: (i) Hộ gia đình, cá nhân giao đất để sản xuất nông nghiệp, góp quyền sử dụng đất nông nghiệp, thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp; (ii) Tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Quy định về đối tượng miễn thuế SĐĐNN hiện hành là phù hợp, thống nhất với Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023 liên quan đến các hình thức hợp tác, giao khoán sử dụng đất nông nghiệp của hợp tác xã, Luật Đất đai số 31/2024/QH15 liên quan đến giao đất nông nghiệp, góp quyền sử dụng đất nông nghiệp và thu hồi đất, phù hợp với pháp luật về đầu tư (Luật Đầu tư số 60/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành).

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Chính sách thuế SĐĐNN đã thực hiện được hơn 30 năm và hiện đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025. Trong 30 năm triển khai thực hiện, nhìn chung quan hệ giữa pháp luật về thuế SĐĐNN và pháp luật có liên quan tương đối ổn định và không phát sinh vướng mắc. Bộ Tài chính thấy rằng quy định tại dự thảo Nghị quyết về miễn thuế SĐĐNN là phù hợp, thống nhất với pháp luật hiện hành có liên quan như Luật Đất đai, Luật Hợp tác xã, Luật Đầu tư.

Ngoài ra, qua rà soát, Bộ Tài chính nhận thấy, các quy định tại dự án Nghị quyết đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không trái với các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên.

Trên đây là Báo cáo kết quả rà soát chính sách miễn thuế SĐĐNN với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan./.

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC RÀ SOÁT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ MIỄN THUẾ SDĐNN

Nhóm vấn đề	Dự thảo văn bản	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
<p>Đối tượng miễn thuế SDĐNN</p>	<p>Kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội đến hết ngày 31/12/2030. Cụ thể:</p> <p>1. Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất, thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối.</p> <p>2. Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.</p> <p>3. Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:</p> <p>a) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;</p> <p>b) Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo</p>	<p>Luật Hợp tác xã quy định: <i>Hợp tác xã</i> là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.</p> <p>- Khoản 3 Điều 73 Luật Hợp tác xã quy định: “3. <i>Đối với tài sản là quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải, tài sản khác thì cá nhân, tổ chức có thể lựa chọn góp vốn bằng tài sản đó hoặc thỏa thuận cho phép hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hưởng quyền khác đối với tài sản đó theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về dân sự</i>”.</p> <p>Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định:</p> <p>- Khoản 6 Điều 3 về giải thích từ ngữ: “6. <i>Cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp</i> là cá nhân đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp; nhận chuyển quyền SDĐNN mà có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó theo quy định của Chính phủ”.</p> <p>- Điều 4 quy định người sử dụng đất trong đó có: <i>Tổ chức trong nước (Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, đơn vị vũ trang nhân dân, Mặt</i></p>	<p>Phù hợp</p>

Nhóm vấn đề	Dự thảo văn bản	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
	<p>quy định của pháp luật;</p> <p>c) Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SDDNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.</p> <p>4. Miễn thuế SDDNN đối với diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.</p> <p>Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SDDNN.</p>	<p><i>trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức khác theo quy định của pháp luật); Tổ chức kinh tế; cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư; cá nhân trong nước.</i></p> <p>- Khoản 1 Điều 118 quy định giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với: <i>"1. Cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được giao đất nông nghiệp trong hạn mức quy định tại Điều 176 của Luật này"</i>.</p> <p>- Khoản 4 Điều 8 về khuyến khích đầu tư vào sử dụng đất đai: <i>"4. Tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp quy mô lớn"</i>.</p> <p>- Khoản 1 Điều 27 quy định về quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất: <i>"1. Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này và luật khác có liên quan"</i>.</p> <p>- Khoản 3 Điều 81 về thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai: <i>"Đất được giao, cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền"</i>.</p> <p>Luật đầu tư số 60/2020/QH14 quy định: Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối NSNN, Chính phủ quy định chi tiết hình thức hỗ trợ đầu tư đối với với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học</p>	

Nhóm vấn đề	Dự thảo văn bản	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (khoản 2 Điều 18).</p> <p>Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định ứng dụng, nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và một số hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (như nuôi trồng, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ và phát triển rừng...) thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.</p>	

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện
chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp**

Nhìn từ thực tiễn 35 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương lớn làm định hướng chính trị cho đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai. Từ chủ trương khoán 100 đến khoán 10 đã giải phóng sức lao động của nông dân, tạo bước chuyển biến cơ bản trong sản xuất nông nghiệp và xã hội nông thôn. Đặc biệt, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VII (tháng 3/1992) và Trung ương 5 khóa VII (tháng 6/1993) với những đổi mới đột phá như giao đất cho nông dân sử dụng lâu dài và mở rộng các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp, thừa kế quyền sử dụng ruộng đất... đã tạo nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) đất nước.

Tại Kết luận số 54-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn khẳng định: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta. Một trong các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu là tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, thúc đẩy tích tụ, tập trung, quản lý sử dụng bền vững, có hiệu quả đất nông nghiệp.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, Nhà nước đã ban hành các chính sách tài chính đối với đất đai, trong đó có chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) được xây dựng nhằm khuyến khích sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả, thực hiện công bằng, hợp lý sự đóng góp của tổ chức, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp vào ngân sách nhà nước (NSNN), tạo nguồn lực mới để phát triển KT-XH, góp phần thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đặc biệt, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN trong những năm qua là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ, góp phần thúc đẩy đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Dưới đây là đánh giá cụ thể tình hình thực hiện chính sách thuế SDĐNN:

I. LUẬT THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Chính sách thuế SDĐNN được thực hiện theo quy định của Luật Thuế SDĐNN năm 1993, Pháp lệnh số 31-L/CTN ngày 29/3/1994 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về thuế bổ sung đối với hộ gia đình SDĐNN vượt quá hạn mức.

Theo đó, chính sách thuế SDĐNN hiện hành quy định:

- Về đối tượng chịu thuế: tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp phải nộp thuế SDĐNN. Đối tượng chịu thuế SDĐNN là đất dùng vào sản xuất nông nghiệp bao gồm đất trồng trọt; đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản; đất rừng trồng.

- Căn cứ tính thuế SDĐNN được xác định theo diện tích đất, hạng đất và định suất thuế tính bằng kg thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất. Trong đó:

+ Diện tích tính thuế SDĐNN là diện tích giao cho hộ sử dụng đất phù hợp với sổ địa chính do Nhà nước quản lý. Trường hợp chưa lập sổ địa chính thì diện tích tính thuế là diện tích ghi trên tờ khai của hộ sử dụng đất.

+ Hạng đất căn cứ vào các yếu tố: Chất đất, vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu và thời tiết, điều kiện tưới tiêu. Chính phủ quy định tiêu chuẩn hạng đất tính thuế. Hạng đất tính thuế được ổn định 10 năm.

+ Định suất thuế (kg thóc/ha) đối với đất trồng cây hàng năm và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản: Từ 50 kg đến 550 kg; đất trồng cây lâu năm: Từ 80 kg đến 650 kg; cây ăn quả lâu năm trồng trên đất trồng cây hàng năm: Bằng 1,3 lần thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng: 1, 2, 3; bằng thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng: 4, 5, 6; riêng đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần: 4% giá trị sản lượng khai thác. Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá trị thị trường địa phương.

Hộ sử dụng đất nông nghiệp vượt quá hạn mức diện tích theo quy định của Luật Đất đai, thì ngoài việc phải nộp thuế theo quy định của Luật còn phải nộp thuế bổ sung đối với phần diện tích trên hạn mức. Mức thuế bổ sung đối với phần diện tích trên hạn mức bằng 20% mức thuế SDĐNN. Mức thuế SDĐNN để tính thuế bổ sung là mức thuế ghi thu bình quân của hộ gia đình SDĐNN.

- Về thu thuế và nộp thuế:

Sổ thuế được duyệt là căn cứ để thu thuế. Thuế nộp mỗi năm từ 1 đến 2 lần theo vụ thu hoạch chính của từng loại cây trồng ở từng địa phương. Thời gian nộp thuế do UBND cấp tỉnh quy định. Trước thời hạn nộp thuế ít nhất là 10 ngày, cơ quan trực tiếp thu thuế phải gửi thông báo quy định rõ địa điểm, thời gian và số thuế phải nộp cho từng hộ nộp thuế.

Thuế SDĐNN tính bằng thóc, thu bằng tiền. Giá thóc thu thuế do UBND cấp tỉnh quyết định được thấp hơn không quá 10% so với giá thị trường ở địa phương trong vụ thu thuế. Trong trường hợp đặc biệt, thuế có thể thu bằng thóc do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định.

- Về miễn, giảm thuế:

Tại Luật Thuế SDĐNN quy định việc miễn, giảm thuế như sau:

(i) Miễn thuế đối với đất đồi, núi trọc dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; đối với các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa; đối với hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3;

(ii) Miễn thuế có thời hạn đối với đất khai hoang dùng vào sản xuất; đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả; hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp;

(iii) Giảm thuế trong trường hợp thiên tai, dịch họa làm thiệt hại mùa màng; đối với hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế mà đời sống có nhiều khó khăn;

(iv) Miễn thuế hoặc giảm thuế đối với các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới và hải đảo và đối với các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn; đối với hộ nộp thuế là gia đình liệt sĩ.

Đánh giá chính sách thuế SDĐNN cho thấy, Luật Thuế SDĐNN có hiệu lực thi hành hơn 30 năm, đến nay đã có những quy định không còn thống nhất với pháp luật có liên quan và không phù hợp với tình hình phát triển KT-XH Việt Nam, cụ thể:

1. Về đối tượng chịu thuế

Luật Thuế SDĐNN quy định tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp phải nộp thuế SDĐNN. Đất chịu thuế SDĐNN là đất dùng vào sản xuất nông nghiệp gồm: Đất trồng trọt, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản, đất trồng rừng.

Quy định về phân loại đất chịu thuế SDĐNN được căn cứ theo Luật Đất đai năm 1993 của Quốc hội. Từ năm 1992 đến nay cứ sau 10 năm, Đảng và Nhà nước đã ban hành các chủ trương đổi mới về đất đai làm định hướng chính trị cho việc hoàn thiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về đất đai. Luật Đất đai năm 1993 thể chế hóa các quan điểm, các định chế của Hiến pháp năm 1992 và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VII (tháng 3/1992); Luật Đất đai năm 2003 được ban hành trên cơ sở Hội nghị Trung ương 7 khóa IX về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Luật Đất đai năm 2013 được ban hành trên cơ sở Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 5 khóa XI. Luật Đất đai năm 2024 được ban hành trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Theo đó, việc phân loại nhóm đất nông nghiệp theo quy định pháp luật về đất đai từng thời kỳ đã có những sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn và sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Cụ thể:

Luật Đất đai số 45/2013/QH13 quy định nhóm đất nông nghiệp bao gồm các loại đất sau đây:

- Đất trồng cây hàng năm, gồm: đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác;
- Đất trồng cây lâu năm;
- Đất rừng sản xuất;
- Đất rừng phòng hộ;
- Đất rừng đặc dụng;
- Đất nuôi trồng thủy sản;
- Đất làm muối;
- Đất nông nghiệp khác gồm đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh.

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025) quy định nhóm đất nông nghiệp bao gồm các loại đất sau đây:

- Đất trồng cây hàng năm, gồm: đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác;
- Đất trồng cây lâu năm;
- Đất lâm nghiệp, gồm: đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất;
- Đất nuôi trồng thủy sản;
- Đất chăn nuôi tập trung;
- Đất làm muối;
- Đất nông nghiệp khác.

Theo đó, việc phân loại nhóm đất nông nghiệp qua các thời kỳ căn cứ vào mục đích sử dụng đất để phục vụ cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, đảm bảo tính thống nhất giữa pháp luật về quy hoạch, pháp luật về xây dựng, pháp luật về lâm nghiệp, pháp luật về chăn nuôi.

Như vậy, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật hiện hành, quy định về đất chịu thuế SDĐNN cần được rà soát, nghiên cứu quy định cho phù hợp.

2. Về căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế SDĐNN được xác định theo diện tích đất, hạng đất và định suất thuế tính bằng kg thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất. Trong đó:

- Diện tích tính thuế SDĐNN là diện tích giao cho hộ sử dụng đất phù hợp với sổ địa chính của Nhà nước.

- Hạng đất căn cứ vào các yếu tố: Chất đất, vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu và thời tiết, điều kiện tưới tiêu. Hạng đất tính thuế được ổn định 10 năm.

- Định suất thuế (kg thóc/ha) đối với đất trồng cây hàng năm và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản: từ 50 kg đến 550 kg; đối với đất trồng cây lâu năm: từ 80 kg đến 650 kg; đối với cây ăn quả lâu năm trồng trên đất trồng cây hàng năm: bằng 1,3 lần thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng: 1, 2, 3, bằng thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng: 4, 5, 6; riêng đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần: 4% giá trị sản lượng khai thác. Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá thị trường địa phương.

Theo quy định pháp luật về đất đai thì căn cứ tính thuế sử dụng đất là giá đất tại Bảng giá đất do UBND cấp tỉnh ban hành. Thông thường tại các quốc gia trên thế giới, số thuế phải nộp xác định theo công thức: Thuế phải nộp = Thuế suất nhân (x) Giá trị chịu thuế (giá tính thuế). So với quy định của Luật Thuế SDĐNN hiện hành thì phương pháp xác định căn cứ tính thuế đã rất lạc hậu, không còn phù hợp với thực tế, không phản ánh được giá trị thực tế của đất nông nghiệp tính thuế. Để đảm bảo thống nhất quy định pháp luật về đất đai, phù hợp với thực tế và thông lệ quốc tế, đơn giản và minh bạch trong thực thi chính sách, cần thiết quy định căn cứ tính thuế SDĐNN chuyển từ tính bằng thóc sang xác định dựa trên giá trị (giá tính thuế và thuế suất). Giá tính thuế đối với đất xác định bằng diện tích đất sử dụng thực tế và giá của 1m² đất là giá đất do UBND cấp tỉnh quy định.

2.1. Về diện tích tính thuế

Luật Thuế SDĐNN quy định diện tích tính thuế SDĐNN là diện tích giao cho hộ sử dụng đất phù hợp với sổ địa chính của Nhà nước.

Từ Luật Đất đai năm 2003 đến nay, quy định về sở hữu, SDĐNN đã có sửa đổi, bổ sung nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào quá trình phát triển lĩnh vực nông nghiệp. Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013 đã mở rộng hình thức sở hữu, SDĐNN (*như giao đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, công nhận quyền SDĐNN; nhận chuyển quyền SDĐNN, nhận giao khoán*), đối tượng sở hữu, SDĐNN (*hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; Hộ nông dân, hộ nông trường viên, xã viên hợp tác xã, Đơn vị vũ trang nhân dân; Hợp tác xã nông nghiệp; Cộng đồng dân cư...*).

Theo đó, diện tích đất nông nghiệp tính thuế cần được sửa đổi để đảm bảo phù hợp với hình thức sở hữu, SDĐNN và chủ thể SDĐNN theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

2.2. Về hạng đất

Từ khi Luật Thuế SDĐNN có hiệu lực thi hành (kể từ ngày 01/01/1994), hạng đất tính thuế SDĐNN đã được quy định qua các thời kỳ như sau:

** Giai đoạn 1994 - 2003:*

- Điều 6, Điều 7 Luật Thuế SDĐNN quy định:

“Điều 6:

Căn cứ tính thuế sử dụng đất nông nghiệp:

- Diện tích;
- Hạng đất;
- Định suất thuế tính bằng kilôgam thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất.

Điều 7

....

3. Hạng đất tính thuế được ổn định 10 năm. Trong thời hạn ổn định hạng đất, đối với vùng mà Nhà nước đầu tư lớn, đem lại hiệu quả kinh tế cao, Chính phủ điều chỉnh lại hạng đất tính thuế”.

- Tại Điều 7 Nghị định số 73/CP ngày 25/10/1993 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân hạng đất tính thuế SDĐNN quy định:

“Điều 7. Cục Thuế giúp UBND cấp tỉnh kiểm tra và xét duyệt tổng hợp kết quả phân hạng đất tính thuế của địa phương, báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn.

Hạng đất tính thuế sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn là căn cứ tính thuế, lập sổ thuế.

Hạng đất tính thuế được ổn định 10 năm”.

- Tại khoản 2, khoản 3 Mục IV Thông tư liên bộ số 92/TTLB ngày 10/11/1993 của Liên bộ Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm - Bộ Tài chính - Tổng cục Quản lý ruộng đất hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/CP quy định:

“2. Cục Thuế phối hợp với Hội đồng tư vấn thuế tỉnh (các ngành liên quan) giúp UBND tỉnh tổng hợp, xét duyệt hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp của huyện và các đơn vị do Cục Thuế trực tiếp lập sổ thuế để trình UBND tỉnh xét duyệt, báo cáo với Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) trình Chính phủ.

3. Bộ Tài chính cùng với Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm và Tổng cục Quản lý ruộng đất kiểm tra việc tổng hợp, xét duyệt phân hạng đất tính thuế SDĐNN của các tỉnh, thành phố; chuẩn bị các tài liệu cần thiết để Bộ Tài chính trình Chính phủ phê duyệt hạng đất tính thuế cho các địa phương”.

Căn cứ Luật Thuế SDĐNN và thẩm quyền quy định tại Điều 7 Nghị định số 73/CP, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 326/TTg ngày 18/5/1996 về việc phê chuẩn hạng đất tính thuế SDĐNN, ổn định trong 10 năm kể từ năm 1994 đến hết năm 2003.

** Giai đoạn 2003 - 2010:*

Ngày 15/6/2007, Bộ Tài chính có công văn số 7919/BTC-TCT gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phân hạng đất tính thuế SDĐNN, trong đó: *đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét nếu thời gian vừa qua (từ năm 2003 đến nay) địa phương chưa có đầu tư lớn về giao thông, thủy lợi, cải tạo đất và các biện pháp khác đem lại tiềm năng kinh tế cao hơn mức bình quân của thời kỳ 10 năm (1993-2003) thì tạm thời sử dụng hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại Quyết định số 326/TTg ngày 18/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn hạng đất tính thuế SDĐNN cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để tính thuế nông nghiệp và các khoản thu liên quan đến đất cho đến khi Luật Thuế SDĐNN được ban hành.*

** Giai đoạn 2011 - 2020:*

- Ngày 23/3/2011, Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/NQ12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế SDĐNN, trong đó quy định về hạng đất tính thuế như sau:

“Điều 5. Hạng đất tính thuế

Hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp được tính ổn định 10 năm, bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2020, trên cơ sở hạng đất đã được quy định và thực hiện trong giai đoạn từ năm 2003 đến hết năm 2010”.

- Ngày 16/8/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 120/2011/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 20/2011/NĐ-CP, trong đó có hướng dẫn về hạng đất tính thuế như sau:

“Điều 4. Hạng đất tính thuế SDĐNN được tính ổn định 10 năm, bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2020, trên cơ sở hạng đất đã được quy định và thực hiện trong giai đoạn từ năm 2003 đến hết năm 2010.

Trường hợp địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp từ năm 2011 thì thực hiện theo quy định đó ổn định đến hết năm 2020”.

Như vậy, kể từ khi Luật Thuế SDĐNN có hiệu lực thi hành đến năm 2020, hạng đất tính thuế SDĐNN được áp dụng trên cơ sở Quyết định số

326/QĐ-TTg ngày 18/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh hạng đất tính thuế SDĐNN thì thực hiện theo quy định đó ổn định đến hết năm 2020. Thực tế triển khai thực hiện cho thấy chỉ có 2 tỉnh thực hiện điều chỉnh lại hạng đất tính thuế là Trà Vinh (được Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh hạng đất cho giai đoạn 2008 - 2017) và Đắk Lắk (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh hạng đất cho giai đoạn 2011 - 2020).

** Giai đoạn 2021-2025*

Theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 thì thuế SDĐNN được miễn đến hết ngày 31/12/2025, trừ trường hợp diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp. Do đó, thực tế vẫn phải quy định về hạng đất để thực hiện tính thuế SDĐNN đối với trường hợp còn lại phải nộp thuế SDĐNN.

Tại Điều 5 Nghị định số 20/2011/NĐ-CP quy định về hạng đất tính thuế SDĐNN như sau:

“Điều 5. Hạng đất tính thuế

Hạng đất tính thuế SDĐNN được tính ổn định 10 năm, bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2020, trên cơ sở hạng đất đã được quy định và thực hiện trong giai đoạn từ năm 2003 đến hết năm 2010”.

Căn cứ quy định nêu trên thì hạng đất tính thuế SDĐNN ổn định 10 năm, bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2020. Theo đó, để có cơ sở tính và thu thuế SDĐNN đối với các đối tượng còn lại phải nộp thuế SDĐNN (tổ chức được nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp), phục vụ công tác quản lý thu thuế SDĐNN tại các địa phương từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 20/2011/NĐ-CP như sau:

“Điều 5. Hạng đất tính thuế

Kéo dài thời hạn thực hiện hạng đất tính thuế SDĐNN đến hết ngày 31/12/2025 trên cơ sở hạng đất đã được quy định và thực hiện trong giai đoạn từ năm 2011 đến hết năm 2020.

Trường hợp địa phương được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh hạng đất tính thuế SDĐNN theo quy định thì thực hiện theo quy định đó đến hết ngày 31/12/2025”.

Như vậy, hạng đất tính thuế SDĐNN ổn định 10 năm. Sau 30 năm thực hiện chính sách thuế SDĐNN cho thấy công tác xác định hạng đất tính thuế tại các địa phương trên thực tế là công việc rất phức tạp, tốn chi phí, công sức, cần

có sự phối hợp của nhiều cơ quan chức năng. Đồng thời, việc xác định hạng đất tính thuế cũng không hiệu quả do số thu thuế SDĐNN còn lại rất nhỏ. Mặt khác, từ năm 2003 đến nay, hạng đất tính thuế SDĐNN của các địa phương luôn được ổn định trên cơ sở hạng đất quy định tại Quyết định số 326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trừ Trà Vinh, Đắk Lắk. Hơn nữa, việc xây dựng trình ban hành phân hạng đất mới để tính thuế không có nhiều ý nghĩa trong trường hợp tiếp tục thực hiện miễn thuế SDĐNN đến năm 2030.

2.3. Về định suất thuế

Định suất thuế một năm tính bằng kg thóc trên 1ha của từng hạng đất căn cứ vào mục đích sử dụng và khả năng thu hoa lợi trên đất. Quy định này đến nay không còn phù hợp trong điều kiện chính sách tài chính liên quan đến đất đai thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật đất đai (sử dụng giá đất do UBND cấp tỉnh ban hành trong khung giá đất của Chính phủ làm căn cứ tính thuế sử dụng đất, thuế thu nhập từ chuyên quyền sử dụng đất...).

3. Về thu, nộp thuế

Luật Thuế SDĐNN quy định thuế SDĐNN tính bằng thóc, thu bằng tiền. Giá thóc do UBND cấp tỉnh quyết định nhưng được thấp hơn không quá 10% so với giá thị trường ở địa phương trong vụ thu thuế. Trong trường hợp đặc biệt, thuế có thể thu bằng thóc do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định.

Theo Nghị định 74/CP năm 1993, số thuế là căn cứ để làm thông báo thuế và thu, nộp thuế. Thuế SDĐNN tính bằng thóc, thu bằng tiền; riêng đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần thuế tính theo sản lượng khai thác và theo giá bán thực tế.

- Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá trị thị trường địa phương. Ở những tỉnh, thành phố, giá thóc giữa các vùng có sự chênh lệch lớn thì giá thóc thu thuế có thể quy định cho từng huyện, quận, thị xã.

- Giá trị sản lượng tính thuế của cây lâu năm thu hoạch một lần (gỗ, tre, nứa, song, mây...) tính theo giá bán thực tế của từng loại cây. Trong trường hợp hộ nộp thuế kê khai giá thấp hơn so với giá thực tế, thì tính thuế theo giá do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định.

- Sản lượng để xác định giá trị sản lượng tính thuế của các cây lâu năm thu hoạch một lần là sản lượng thu hoạch thực tế.

Quy định về thu, nộp thuế tại Luật Thuế SDĐNN là chưa phù hợp với pháp luật về quản lý thuế hiện hành¹, chưa phù hợp trong bối cảnh KT-XH hiện

¹ Luật Quản lý thuế số quy định đồng tiền khai thuế, nộp thuế là Đồng Việt Nam, trừ các trường hợp được phép khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

nay. Thực tế, các địa phương² ban hành quy định về giá thóc thu thuế SDĐNN tương đối sát với giá thóc trên thị trường. Tuy nhiên, việc xác định giá tính thuế theo giá thóc là phương pháp lạc hậu, có giá trị thu thấp. Số thu từ thuế SDĐNN trong các năm qua chỉ chiếm một phần rất nhỏ, không đáng kể trong tổng thu NSNN. Số thu thuế SDĐNN chỉ còn 10 tỷ đồng (năm 2023), chiếm trung bình khoảng 0,00057% tổng thu NSNN. Trong khi đó thuế SDĐNN là nguồn thu địa phương được hưởng 100% nhưng chỉ mang tính bù đắp một phần nhỏ để hỗ trợ chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp. Thực tế, để thực hiện việc quản lý đất nông nghiệp, các địa phương vẫn phải theo dõi chi tiết đến từng thửa ruộng, hạng đất và việc lập sổ theo dõi hàng năm tốn nhiều thời gian, công sức, chi phí lớn.

4. Về miễn, giảm thuế

Luật Thuế SDĐNN (Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23) quy định cụ thể các trường hợp miễn, giảm thuế SDĐNN:

“Điều 19

1. Miễn thuế cho đất đồi, núi trọc dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.

2. Miễn thuế cho đất khai hoang không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này dùng vào sản xuất:

- Trồng cây hàng năm: 5 năm; riêng đối với đất khai hoang ở miền núi, đầm lầy và lân biển: 7 năm;

- Trồng cây lâu năm: miễn thuế trong thời gian xây dựng cơ bản và cộng thêm 3 năm từ khi có thu hoạch. Riêng đối với đất ở miền núi, đầm lầy và lân biển được cộng thêm 6 năm.

- Đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần thì chi nộp thuế khi khai thác theo quy định tại khoản 4, Điều 9 của Luật này.

3. Miễn thuế cho đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả: trong thời gian xây dựng cơ bản và cộng thêm 3 năm từ khi có thu hoạch.

4. Chính phủ quy định việc giảm thuế, miễn thuế đối với đất khai hoang được đầu tư bằng nguồn vốn NSNN.

Điều 20

Hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp được miễn thuế trong thời hạn theo quy định tại Điều 19 của Luật này và cộng

² Ví dụ như tỉnh Gia Lai quy định giá thóc thu thuế SDĐNN 2024 trên địa bàn tỉnh là 6.900 đồng/kg thóc (theo Quyết định 48/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023); tỉnh Nghệ An quy định giá thóc để tính thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2024 trên địa bàn tỉnh là 6.200 đồng/kg (theo Quyết định 41/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023); Thành phố Hồ Chí Minh ban hành giá thóc thu thuế SDĐNN là 7.600 đồng/kg (theo Quyết định 14/2024/QĐ-UBND ngày 20/3/2024).

thêm 2 năm. Nếu đất được giao là đất đang sản xuất nông nghiệp, thì được miễn thuế trong thời hạn 3 năm kể từ ngày nhận đất.

Điều 21

Trong trường hợp thiên tai, dịch họa làm thiệt hại mùa màng, thuế sử dụng đất nông nghiệp được giảm hoặc miễn cho từng hộ nộp thuế theo từng vụ sản xuất như sau:

1. Thiệt hại từ 10% đến dưới 20%, giảm thuế tương ứng theo mức thiệt hại;
2. Thiệt hại từ 20% đến dưới 30%, giảm thuế 60%;
3. Thiệt hại từ 30% đến dưới 40%, giảm thuế 80%;
4. Thiệt hại từ 40% trở lên, miễn thuế 100%.

Điều 22

1. Miễn thuế hoặc giảm thuế cho các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới và hải đảo mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn;
2. Miễn thuế hoặc giảm thuế cho các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn;
3. Miễn thuế cho các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa.

Điều 23

1. Miễn thuế cho hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3;
2. Miễn thuế hoặc giảm thuế cho hộ nộp thuế là gia đình liệt sĩ;
3. Giảm thuế cho hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều này mà đời sống có nhiều khó khăn”.

Kinh nghiệm các quốc gia trên thế giới hiện nay cũng cho thấy, mặc dù việc SDDNN bị đánh thuế là phổ biến, tuy nhiên, các quốc gia đều có hình thức hỗ trợ lĩnh vực nông nghiệp nói chung, người nông dân nói riêng. Tùy vào mục tiêu khác nhau như mục tiêu chính trị, mục tiêu khuyến khích đầu tư sản xuất nông nghiệp hoặc mục tiêu giảm chi phí quản lý thuế mà các nước có các chính sách ưu đãi thuế đối với việc SDDNN khác nhau như: áp dụng mức thuế suất đối với đất nông nghiệp thấp hơn mức thuế suất đối với đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (Nga, Canada, Thái Lan, Hàn Quốc...); quy định miễn thuế SDDNN (như Cộng Hòa Ai-len, Anh). Ngay cả ở những quốc gia mà đất nông nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế BĐS thường có hình thức miễn, giảm nào đó cho đất nông nghiệp hoặc công trình trên đất nông nghiệp³.

³ Ví dụ như Kosovo quy định mức thuế suất thấp hơn cho BĐS sử dụng cho nông và lâm nghiệp. Nhật Bản áp dụng hệ số tính thuế 45% giá trị thị trường cho đất nông nghiệp.

Theo đó, việc quy định về miễn, giảm thuế SDĐNN là phù hợp với thông lệ quốc tế và đảm bảo thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Qua đánh giá cho thấy, quy định về miễn, giảm thuế SDĐNN tại Luật là phù hợp điều kiện KT-XH tại thời điểm ban hành Luật. Đến nay, các quy định này cần được rà soát, quy định cho thống nhất với chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn và thống nhất pháp luật có liên quan⁴ (*pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về người có công, pháp luật về đất đai...*) và thực tế tại các địa phương.

Ngoài ra, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, thuế SDĐNN hiện đang được miễn cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp. Chính sách ưu đãi thuế SDĐNN đã được bắt đầu từ năm 2001 và hết hiệu lực vào ngày 31/12/2025. Do đó, cần có đánh giá cụ thể và cần thiết Luật hóa các quy định về miễn thuế để tạo sự minh bạch, đồng bộ và nâng cao cơ sở pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện.

5. Về kê khai, tính và lập sổ thuế, xử lý vi phạm, khiếu nại

Tại Luật Thuế SDĐNN quy định cụ thể về kê khai, tính thuế, xử lý vi phạm, khiếu nại về thuế. Tuy nhiên, cần thiết rà soát các quy định này để đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành có liên quan như Bộ luật Dân sự (*quy định về truy cứu trách nhiệm hình sự...*), pháp luật về quản lý thuế (*Pháp luật về quản lý thuế hiện hành đã có quy định về: Trách nhiệm của người nộp thuế; các hành vi vi phạm về thuế; các hình thức xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế; thẩm quyền xử lý vi phạm; kê khai, nộp thuế*); pháp luật về khiếu nại, tố cáo (*Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo*).

II. CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP THEO CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI

Phát triển nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhận thức được vai trò quan trọng của ngành nông nghiệp đối với sự phát triển KT-XH, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành và triển khai nhiều chủ trương, chính sách nhằm hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và cải thiện đời sống nông dân, trong đó có chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN.

Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, Đảng và Nhà nước đã có các quyết định mở rộng ưu đãi miễn, giảm thuế SDĐNN qua các giai đoạn như sau:

⁴ Pháp luật quản lý thuế quy định các trường hợp bất khả kháng; pháp luật về người có công quy định cụ thể về đối tượng hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước, pháp luật về đất đai quy định cụ thể về phân loại đất nông nghiệp.

** Giai đoạn 2001 - 2010*

Năm 2001, thực hiện Nghị quyết số 24/1999/QH10 của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 05/2001/NQ-CP ngày 24/5/2001 về việc bổ sung một số giải pháp điều hành kế hoạch kinh tế năm 2001, theo đó thực hiện miễn thuế SDĐNN đối với hộ nghèo trong cả nước, hộ ở các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135; giảm 50% thuế SDĐNN đối với đất trồng lúa và cà phê.

Năm 2002, thực hiện Nghị quyết số 50/2001/QH10 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2002, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 199/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001 tiếp tục thực hiện miễn thuế SDĐNN đối với các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa và các hộ nghèo trong cả nước, đồng thời giảm 50% số thuế SDĐNN phải nộp đối với các hộ sản xuất nông nghiệp khác còn lại chưa được miễn thuế (hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác).

Năm 2003, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 15/2003/QH11 ngày 17/6/2003 về miễn, giảm thuế SDĐNN đến hết năm 2010 gồm:

- Miễn thuế SDĐNN trong hạn mức theo quy định của pháp luật cho từng vùng đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên, xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nhận đất giao khoán của doanh nghiệp, hợp tác xã để sản xuất nông nghiệp.

- Miễn thuế SDĐNN trong hạn mức đối với hộ xã viên góp ruộng đất để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất của hộ nghèo, hộ sản xuất nông nghiệp ở xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

- Giảm 50% số thuế SDĐNN ghi thu hàng năm đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp của đối tượng không thuộc diện được miễn thuế nêu trên và diện tích đất sản xuất nông nghiệp vượt hạn mức theo quy định của pháp luật đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên và hộ sản xuất nông nghiệp khác.

** Giai đoạn 2011 - 2020*

Năm 2010, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 về miễn, giảm thuế SDĐNN đến hết năm 2020 gồm:

- Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối; diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.

- Miễn thuế SDĐNN đối với diện tích đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp đối với: Hộ gia đình, cá nhân nông dân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, cho tặng, nhận chuyển quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân là xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc

doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật; hộ gia đình, cá nhân là nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật; hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp có quyền SĐĐNN góp đất của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Giảm 50% số thuế SĐĐNN ghi thu hàng năm đối với diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất nông nghiệp nhưng không quá hạn mức nhận chuyển quyền SĐĐNN đối với hộ gia đình, cá nhân; diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp; diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho đơn vị vũ trang nhân dân quản lý sử dụng.

Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SĐĐNN.

Năm 2016, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế SĐĐNN đến hết năm 2020 cho các đối tượng còn lại đang phải nộp thuế SĐĐNN, gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất.

- Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SĐĐNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Đối với tổ chức được Nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SĐĐNN.

** Giai đoạn 2021-2025*

Năm 2020, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 về kéo dài thời hạn miễn thuế SĐĐNN được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12. Theo đó, hiện hành, chính sách thuế SĐĐNN đang được miễn

đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Dưới đây là đánh giá tình hình thực hiện chính sách miễn, giảm thuế theo các Nghị quyết của Quốc hội trong những năm qua:

1. Kết quả đạt được

a) Thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Những năm qua, kinh tế nông nghiệp và khu vực nông thôn đã có bước phát triển nhất định nhưng vẫn là khu vực có tốc độ phát triển chậm so với các khu vực khác của nền kinh tế. Sản xuất nông nghiệp nước ta vẫn mang tính chất của một nền sản xuất nhỏ, manh mún. Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, từ nhiều năm qua, Nhà nước đã ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và cải thiện đời sống nông dân, trong đó chính sách ưu đãi miễn, giảm thuế SDĐNN đã được triển khai thực hiện và đạt nhiều kết quả quan trọng.

Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN đến hết ngày 31/12/2025 là giải pháp để góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, từ đó giúp người nông dân cải thiện đời sống, có thêm vốn tái đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp; đồng thời góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo định hướng của Đảng và Nhà nước, nhất là trong việc thúc đẩy sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiệu quả, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh của các mặt hàng nông sản Việt Nam trên thị trường.

Việc mở rộng diện được miễn, giảm thuế SDĐNN tại Nghị quyết số 107/2020/QH14 đã góp phần thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, đẩy nhanh ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất đạt năng suất, chất lượng cao:

- Tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, trong đó xác định: *“Hoàn thiện chính sách thuế đối với đất nông nghiệp nhằm khuyến khích, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khắc phục tình trạng đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích”*.

- Tại Luật Đất đai năm 2013 có nêu: *“Nhà nước khuyến khích hình thức phát triển kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác có hiệu*

quả đất đai để phát triển sản xuất, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối gắn với dịch vụ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp”.

- Tại Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã nêu rõ định hướng ưu tiên nhằm đảm bảo an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững là *“chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, phát huy thế mạnh của từng vùng; phát triển sản xuất nông sản hàng hóa có chất lượng và hiệu quả; gắn sản xuất với thị trường trong nước và thị trường quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên (đất đai, nước, rừng, lao động và nguồn vốn)...”.*

- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao GTGT và phát triển bền vững; Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn đã nêu rõ định hướng phát triển ngành nông nghiệp theo hướng: *“xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn theo hình thức trang trại, gia trại, khu nông nghiệp công nghệ cao... ”*; *“tạo tiền đề triển khai tổ chức sản xuất trên cơ sở hợp tác, liên kết giữa người nông dân với doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân trong sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản trên cùng địa bàn, có quy mô ruộng đất lớn, với mục đích tạo ra sản lượng nông sản hàng hóa tập trung, chất lượng cao, tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân và các đối tác tham gia”.*

Kết quả miễn, giảm thuế SDĐNN cụ thể qua các thời kỳ như sau:

Tổng kết, đánh giá 20 năm thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN cho thấy, tổng số thuế SDĐNN miễn, giảm giai đoạn 2003-2010 trung bình khoảng 3.268,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn từ 2011-2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2017-2018 và đến hết năm 2020 khoảng 7.438,5 tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn từ 2003-2010 (theo Nghị quyết số 15/2003/QH11): Đây là giai đoạn đầu tiên Quốc hội ban hành chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất để sản xuất nông nghiệp của hộ nghèo, hộ sản xuất nông nghiệp ở các xã đặc biệt khó khăn. Chính sách này đã góp phần giúp người dân giảm bớt khó khăn về đời sống, nhất là những xã ở vùng cao, vùng sâu.

Bảng 1. Kết quả miễn, giảm thuế SDĐNN trong giai đoạn 2003-2010

Chi tiêu	Tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (ha)	Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn giảm (ha)	Tổng số đối tượng nộp thuế (NNT)	Số đối tượng được miễn (NNT)	Số thuế được miễn (tỷ đồng)	Tổng số thuế còn lại phải nộp (tỷ đồng)
2003	6.103.681	5.782.556	10.726.969	10.479.748	2.337	114
2004	6.502.736	6.178.928	11.090.099	10.813.439	2.564	116
2005	6.441.686	6.067.272	10.658.117	10.989.438	2.727	122
2006	6.481.581	6.108.266	11.267.288	10.729.568	2.951	158
2007	6.392.026	6.034.786	11.094.551	10.814.533	3.225	155
2008	6.574.931	5.874.675	11.430.503	10.585.080	3.760	165
2009	6.639.220	6.029.547	11.576.987	11.321.243	4.084	183
2010	6.571.777	6.316.863	11.534.848	11.227.071	4.500	196
Trung bình	6.463.455	6.049.112	11.172.420	10.870.015	3.269	151

(Nguồn: Tổng hợp trên cơ sở số liệu do địa phương cung cấp)

Theo Bảng 1 thì trong giai đoạn 2003-2010 tổng số đối tượng được miễn, giảm thuế SDĐNN trung bình là khoảng 10.870.015 NNT/năm, chiếm 97,3% tổng số đối tượng nộp thuế (11.172.420 NNT). Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn, giảm thuế SDĐNN trung bình là 6.049.112 ha, chiếm 93,6% tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (6.463.455 ha). Tổng số thuế SDĐNN được miễn trung bình là khoảng 3.269 tỷ đồng/năm. Tổng số thu thuế SDĐNN còn lại là khoảng 151 tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn từ 2011-2016 (theo Nghị quyết số 55/2010/QH12): So với Nghị quyết số 15/2003/QH11, Nghị quyết số 55/2010/QH12 đã mở rộng đối tượng miễn, giảm thuế SDĐNN. Theo đó, miễn thuế SDĐNN với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối. Chính sách này bên cạnh những mục tiêu khuyến khích phát triển nông nghiệp như giai đoạn trước, đã góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp; tạo điều kiện cho người dân trồng lúa và làm muối; từ đó đảm bảo nguồn cung đối với hai sản phẩm nông nghiệp này. Về cơ bản, Nghị quyết số 55/2010/QH12 mang lại những kết quả như sau:

Bảng 2. Kết quả miễn, giảm thuế SDĐNN trong giai đoạn 2011-2016

Chỉ tiêu	Tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (ha)	Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn giảm (ha)	Tổng số đối tượng nộp thuế (NNT)	Số đối tượng được miễn (NNT)	Số thuế được miễn (tỷ đồng)	Tổng số thuế còn lại phải nộp (tỷ đồng)
2011	7.035.326	6.885.672	11.980.720	11.831.876	5.499	273
2012	7.541.366	7.396.428	12.151.362	12.045.228	6.031	284
2013	7.051.549	6.893.781	12.229.977	12.123.804	6.260	295
2014	7.194.863	7.051.294	12.023.132	11.901.019	6.581	317
2015	7.237.964	7.115.106	12.348.064	12.257.403	6.610	313
2016	7.240.557	7.119.082	12.342.703	12.255.094	6.869	330
Trung bình	7.216.937,5	7.076.893,8	12.179.326	12.069.071	6.308,3	302

(Nguồn: Tổng hợp trên cơ sở số liệu do địa phương cung cấp)

Theo Bảng 2 thì trong giai đoạn 2011-2016 tổng số đối tượng được miễn, giảm thuế SDĐNN trung bình là khoảng 12.069.071 NNT/năm, chiếm 99% tổng số đối tượng nộp thuế (12.179.326 NNT). Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn, giảm thuế SDĐNN trung bình là 7.076.894 ha, chiếm 98,1% tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (7.216.938 ha). Tổng số thuế SDĐNN được miễn trung bình là khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm. Tổng số thu thuế SDĐNN còn lại là khoảng 302 tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn từ 2017-2018 (theo Nghị quyết số 55/2010/QH12 và Nghị quyết số 28/2016/QH14): Nghị quyết số 28/2016/QH14 đã mở rộng diện được miễn thuế SDĐNN đến hết năm 2020 cho các đối tượng còn lại đang phải nộp thuế SDĐNN.

Theo số liệu sơ bộ do các địa phương cung cấp, trong giai đoạn 2017-2018, tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế bình quân là 8.115.943 ha/năm; tổng số đối tượng chịu thuế bình quân là 12.091.840 NNT/năm; tổng số thuế miễn, giảm bình quân là 7.438,5 tỷ đồng/năm.

b) Góp phần khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp; góp phần cải thiện cuộc sống người nông dân

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng của nông - lâm - ngư nghiệp có xu hướng chậm lại, nông nghiệp vẫn chủ yếu phát triển theo chiều rộng, chưa bền vững, thu nhập và đời sống dân cư nông thôn nhìn chung còn

thấp⁵. Tiếp tục chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn, việc bổ sung nội dung miễn thuế SDĐNN góp phần hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và nâng cao mức sống cho người nông dân.

Miễn thuế SDĐNN là hình thức hỗ trợ trực tiếp tới người nông dân. Do đó, số thuế SDĐNN được miễn sẽ là nguồn đầu tư tài chính quan trọng trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông thôn để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó giúp người nông dân cải thiện cuộc sống, giảm bớt khó khăn, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp.

c) Góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp; phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững trong quá trình hội nhập

Trong những năm qua, Việt Nam đã và đang thực hiện các Hiệp định thương mại tự do như Hiệp định thương mại hàng hóa trong ASEAN, Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc,... Ngoài ra, Việt Nam cũng vừa kết thúc đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU. Các Hiệp định thương mại tự do sẽ tạo thuận lợi cho xuất khẩu một số hàng hóa có thế mạnh của Việt Nam, trong đó có các mặt hàng nông sản. Tuy nhiên, hàng nông sản của các nước đối tác cũng được hưởng những thuận lợi tương tự khi vào thị trường Việt Nam, do đó sức ép cạnh tranh ngay tại thị trường trong nước cũng rất lớn đối với hàng nông sản của Việt Nam. Điều này đòi hỏi nông nghiệp Việt Nam phải được phát triển toàn diện, theo hướng bền vững, sản xuất hàng hóa lớn có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

Vì vậy, với việc triển khai có hiệu quả chính sách ưu đãi khác, cùng với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu giảm nghèo... thì việc mở rộng diện miễn thuế SDĐNN sẽ tạo thành một hệ thống cơ chế khuyến khích đầu tư nông nghiệp, nông thôn đồng bộ; thu hút vốn đầu tư quốc tế, huy động các nguồn lực đầu tư ở trong nước vào phát triển sản xuất nông nghiệp; góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, bền vững; phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với hình thành và phát triển các mô hình sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiệu quả cao như kinh tế trang trại, cánh đồng mẫu lớn... nhằm tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng cao và sức cạnh tranh trên thị trường.

d) Khuyến khích tập trung và tích tụ đất nông nghiệp

Diện tích đất canh tác nông nghiệp ở Việt Nam vào loại thấp nhất thế giới, chỉ chiếm tỷ lệ khoảng 0,12%. Đất canh tác ở các vùng nông thôn Việt Nam ngày càng bị thu hẹp lại do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, phát triển kinh tế, bình quân mỗi năm, đất nông nghiệp giảm gần 100.000 ha⁶. Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, đất đai phục vụ sản xuất trên diện rộng không nhiều, gây

⁵ Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Kết luận số 97/KL/TW ngày 09/5/2014 của Bộ Chính trị.

⁶ Theo số liệu thống kê của Cục Quản lý đất (Bộ Tài nguyên và Môi trường).

trở ngại lớn cho việc phát triển sản xuất trên quy mô lớn và áp dụng kỹ thuật tiên tiến.

Luật Đất đai năm 2013 đã mở rộng hạn mức giao đất và hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất⁷ cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng, để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích tụ, tập trung đất hình thành sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp. Cùng với các chính sách ưu đãi phát triển nông nghiệp, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là một trong những chính sách tài chính quan trọng, giúp người nông dân yên tâm đầu tư vốn, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích tụ, tập trung đất đai, hình thành những vùng sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp, giải phóng sức lao động.

Ngoài ra, mở rộng quy định về miễn thuế SDĐNN góp phần thực hiện chính sách của Nhà nước về việc khuyến khích hình thức phát triển kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp⁸. Nhà nước khuyến khích phát triển và bảo hộ kinh tế trang trại là một trong những chính sách lâu dài của Nhà nước đối với kinh tế trang trại⁹. Thực tế cho thấy, kinh tế trang trại với quy mô sản xuất vượt trội, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, mức độ tập trung hóa và chuyên môn hóa cao, sử dụng lao động hiệu quả, có khả năng tiếp nhận và áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất.

e) Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với việc SDĐNN

Theo quy định thì người nộp thuế SDĐNN nộp hồ sơ khai thuế cho Chi cục Thuế nơi có đất chịu thuế SDĐNN; trường hợp trong năm có phát sinh tăng, giảm diện tích chịu thuế SDĐNN thì người nộp thuế phải nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là mười ngày kể từ ngày phát sinh tăng, giảm diện tích đất; trường hợp được miễn thuế SDĐNN thì người nộp thuế vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế SDĐNN cùng giấy tờ liên quan đến việc xác định miễn thuế của năm đầu tiên của thời hạn miễn thuế.

Thông qua việc kê khai để xác định số thuế SDĐNN được miễn, chính quyền các cấp đã nắm bắt được hiện trạng đất đai, góp phần kiểm soát được quỹ đất hiện có, tạo điều kiện thực hiện quản lý nhà nước về đất đai, hạn chế tình trạng giảm diện tích đất nông nghiệp.

f) Phù hợp thông lệ quốc tế

Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy, hầu hết các nước đều có xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp dưới các hình thức như: áp dụng mức thuế suất thấp hơn; miễn một phần hoặc toàn bộ số tiền thuế phải nộp; hoặc không đưa đất sử dụng để sản xuất nông nghiệp vào diện chịu thuế. Như vậy, việc mở rộng diện được miễn thuế SDĐNN là phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc tập trung nhiều nguồn

⁷ Điều 129, Điều 130 Luật Đất đai năm 2013.

⁸ Điều 142 Luật Đất đai năm 2013.

⁹ Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02/02/2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại.

lực cũng như các chính sách ưu đãi, trong đó có chính sách thuế nhằm khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp.

2. Những khó khăn, vướng mắc

Luật Thuế SĐĐNN có hiệu lực thi hành hơn 30 năm, đến nay đã có những quy định không còn phù hợp với tình hình phát triển KT-XH Việt Nam, như cách xác định thuế lạc hậu, giá trị thu được thấp (thuế SĐĐNN được tính bằng thóc, thu bằng tiền), và phần lớn nội dung hiện đã không còn được áp dụng trên thực tế do thi hành chính sách miễn thuế SĐĐNN cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Việc miễn, giảm thuế SĐĐNN trong thời gian qua đã làm giảm thu NSNN, cụ thể: Tổng số thuế miễn, giảm giai đoạn 2003 - 2010 trung bình khoảng 3.263 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2011 - 2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2016 - 2018 và đến hết năm 2020 khoảng 9.770 tỷ đồng/năm. Bên cạnh đó, do thực hiện chính sách ưu đãi thuế SĐĐNN nên số thu NSNN từ thuế SĐĐNN chỉ chiếm một phần nhỏ, không đáng kể trong tổng thu NSNN. Số thu thuế SĐĐNN chỉ còn 10 tỷ đồng (năm 2023), chiếm trung bình khoảng 0,00057% tổng thu NSNN. Trong khi đó, thuế SĐĐNN là nguồn thu địa phương được hưởng 100% nhưng chỉ mang tính chất bù đắp một phần nhỏ để hỗ trợ chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp. Thực tế, để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp, các địa phương vẫn phải theo dõi chi tiết đến từng thửa ruộng, hạng đất và việc lập sổ theo dõi hàng năm tốn nhiều thời gian, công sức, chi phí lớn.

Đồng thời, chính sách ưu đãi thuế SĐĐNN đã được triển khai thực hiện bắt đầu từ năm 2001 và chính sách sẽ hết hiệu lực vào ngày 31/12/2025. Do đó, cần có đánh giá cụ thể và cần thiết Luật hóa các quy định miễn thuế, tạo sự minh bạch, đồng bộ và nâng cao cơ sở pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện.

Qua đánh giá thì việc đánh thuế đối với đất nông nghiệp trong thời gian tới là rất khó khăn, chưa phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn và không phù hợp với thông lệ quốc tế¹⁰. Đặc biệt, việc tiếp tục đánh thuế đối với đất nông nghiệp sẽ gây ảnh hưởng, tác động trực tiếp tới người dân, chủ yếu là chủ sở hữu đất nông nghiệp.

¹⁰ Hầu hết các nước đều có xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp dưới các hình thức như áp dụng mức thuế suất thấp hơn, miễn một phần hoặc miễn toàn bộ số thuế phải nộp hoặc không đưa đất nông nghiệp vào diện chịu thuế BĐS. Một số quốc gia đưa đất nông nghiệp vào đối tượng miễn thuế (Bungari, Anh, Estonia, Armenia,...), một số quốc gia không đánh thuế tài sản đối với đất nông nghiệp hoặc đưa vào đối tượng không chịu thuế như: Indonesia, Đài Loan (Trung Quốc), Thái Lan và hầu hết các quốc gia Châu Phi...

III. ĐỀ XUẤT

Luật Thuế SDĐNN đã được ban hành từ năm 1993, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1994. Đánh giá thực hiện chính sách cho thấy Luật Thuế SDĐNN có nhiều nội dung đã không còn phù hợp với thực tế sản xuất nông nghiệp, quản lý sử dụng đất đai và các quy định pháp luật có liên quan. Nếu đặt vấn đề sửa đổi, bổ sung Luật Thuế SDĐNN thì không cần thiết do cuối cùng lại chỉ đề xuất miễn, giảm thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo.

Qua đánh giá thì việc đánh thuế đối với đất nông nghiệp trong thời gian tới là rất khó khăn, chưa phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn và không phù hợp với thông lệ quốc tế¹¹. Đặc biệt, việc tiếp tục đánh thuế đối với đất nông nghiệp sẽ gây ảnh hưởng, tác động trực tiếp tới người dân, chủ yếu là chủ sở hữu đất nông nghiệp.

Ưu đãi thuế SDĐNN được xác định là một trong những chính sách đã và đang phát huy những tác động tích cực và có ý nghĩa chính trị sâu sắc, ngày càng được mở rộng. Việc miễn, giảm thuế SDĐNN trong thời gian qua là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ, góp phần khuyến khích tập trung và tích tụ đất nông nghiệp; khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; góp phần cải thiện cuộc sống người nông dân do đây là giải pháp hỗ trợ trực tiếp cho người nông dân, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo định hướng công nghiệp hóa, phát huy thế mạnh của từng vùng, góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiệu quả cao, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của mặt hàng nông sản của Việt Nam trên thị trường thế giới. Việc miễn, giảm thuế SDĐNN cũng phù hợp với thông lệ quốc tế về áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, việc miễn thuế SDĐNN chỉ thực hiện cho từng giai đoạn nhất định, do đó, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN là phù hợp¹².

Để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDĐNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục hỗ trợ, tạo công ăn việc làm cho khu vực

¹¹ Hầu hết các nước đều có xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp dưới các hình thức như áp dụng mức thuế suất thấp hơn, miễn một phần hoặc miễn toàn bộ số thuế phải nộp hoặc không đưa đất nông nghiệp vào diện chịu thuế BĐS. Một số quốc gia đưa đất nông nghiệp vào đối tượng miễn thuế (Bungari, Anh, Estonia, Armenia,...), một số quốc gia không đánh thuế tài sản đối với đất nông nghiệp hoặc đưa vào đối tượng không chịu thuế như: Indonesia, Đài Loan (Trung Quốc), Thái Lan và hầu hết các quốc gia Châu Phi...

¹² Tại khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Quốc hội ban hành Nghị quyết để kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị quyết của Quốc hội đáp ứng yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quyền con người, quyền công dân.

nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế thì cần thiết tiếp tục miễn thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo.

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình thực hiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO**Đánh giá tác động Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp****A. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN****I. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Nhìn từ thực tiễn 35 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương lớn làm định hướng chính trị cho đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai. Từ chủ trương khoán 100 đến khoán 10 đã giải phóng sức lao động của nông dân, tạo bước chuyển biến cơ bản trong sản xuất nông nghiệp và xã hội nông thôn. Đặc biệt, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VII (tháng 3/1992) và Trung ương 5 khóa VII (tháng 6/1993) với những đổi mới đột phá như giao đất cho nông dân sử dụng lâu dài và mở rộng các quyền chuyển đổi, chuyên nhượng, cho thuê, thế chấp, thừa kế quyền sử dụng ruộng đất... đã tạo nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) đất nước.

Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn khẳng định: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta. Một trong các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu là tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, thúc đẩy tích tụ, tập trung, quản lý sử dụng bền vững, có hiệu quả đất nông nghiệp.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, Nhà nước đã ban hành các chính sách tài chính đối với đất đai, trong đó có chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) được xây dựng nhằm khuyến khích SDĐNN có hiệu quả, thực hiện công bằng, hợp lý sự đóng góp của tổ chức, cá nhân SDĐNN vào ngân sách nhà nước (NSNN), tạo nguồn lực mới để phát triển KT-XH, góp phần thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đặc biệt, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN trong những năm qua là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ, góp phần thúc đẩy đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Chính sách thuế SDĐNN được thực hiện theo quy định của Luật Thuế SDĐNN năm 1993, Pháp lệnh số 31-L/CTN ngày 29/3/1994 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thuế bổ sung đối với hộ gia đình SDĐNN vượt quá hạn

mức diện tích đất. Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, từ năm 2001 đến nay, Đảng và Nhà nước ban hành nhiều Nghị quyết miễn, giảm thuế SDĐNN theo hướng mở rộng đối tượng ưu đãi miễn, giảm thuế SDĐNN đối với hộ nông dân và các đối tượng sản xuất nông nghiệp khác phù hợp với mục tiêu, yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước theo từng thời kỳ.

Hiện hành, chính sách thuế SDĐNN đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025 theo các Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN thời gian qua cho thấy chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN đã mang lại những kết quả quan trọng, cụ thể như sau:

(i) *Góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.*

(ii) *Góp phần hỗ trợ trực tiếp người nông dân, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân.*

(iii) *Góp phần khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.*

(iv) *Góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.*

(v) *Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với việc SDĐNN.*

Tuy nhiên, việc miễn thuế theo Nghị quyết số 107/2020/QH14 chỉ thực hiện đến hết ngày 31/12/2025.

Để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDĐNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường quốc tế; tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế thì cần thiết tiếp tục miễn thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo.

II. Mục tiêu xây dựng chính sách

1. Mục tiêu chung

- Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông

ng nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Góp phần thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khuyến khích tích tụ ruộng đất.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- Thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tiếp tục kế thừa kết quả đạt được của chính sách miễn thuế SDĐNN hiện hành.

- Góp phần khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

B. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT

I. Quy định về tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN

1. Xác định vấn đề bất cập

Tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về “tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại” đã nêu giải pháp: *“Hoàn thiện chính sách thuế đối với đất nông nghiệp nhằm khuyến khích, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khắc phục tình trạng đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích”*.

Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã chỉ ra những hạn chế của nông nghiệp hiện nay như: *“Nông nghiệp phát triển chưa bền vững, năng suất lao động còn thấp; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm còn hạn chế. Trong nhiều năm tăng trưởng nông nghiệp thấp hơn mục tiêu Nghị quyết đã đề ra. Hiệu quả kinh tế của cây lúa và một số loại cây trồng khác không cao; cơ chế, chính sách chưa thực sự bảo đảm hài hòa lợi ích cho người trồng lúa, địa phương được quy hoạch trồng lúa, nhiều nông dân không thiết tha sản xuất, bỏ ruộng hoang... Thu nhập và đời sống của phần lớn nông dân và dân cư nông thôn còn thấp, bấp bênh, kết quả giảm nghèo chưa bền vững; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi tỉ lệ hộ nghèo còn cao”*. Đồng thời, tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị cũng xác định: *“nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta”*, theo đó, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tập trung thực hiện có hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau nhằm tiếp tục tổ chức thực hiện, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đến năm 2020, với tầm nhìn đến năm 2025

của Nghị quyết, trong đó có giải pháp: “*Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, trước hết là các cơ chế, chính sách có liên quan đến đất đai, thuế, tín dụng, điện năng, môi trường, thị trường, lao động, đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ; thu hút đầu tư, phát triển liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân cần hướng tới quan hệ sản xuất hợp lý hóa, tạo động lực mạnh mẽ hơn, có năng suất lao động và sức cạnh tranh cao hơn, đem lại thu nhập cao và bền vững*”.

Chính sách ưu đãi thuế SDĐNN hiện đang thực hiện theo quy định sau:

- Điều 19 Luật Thuế SDĐNN quy định việc miễn, giảm thuế đối với các trường hợp sau:

(i) Miễn thuế đối với đất đồi, núi trọc dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; đối với các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa; đối với hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3;

(ii) Miễn thuế có thời hạn đối với đất khai hoang dùng vào sản xuất; đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả; hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp;

(iii) Giảm thuế trong trường hợp thiên tai, địch họa làm thiệt hại mùa màng; đối với hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế mà đời sống có nhiều khó khăn;

(iv) Miễn thuế hoặc giảm thuế đối với các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo và đối với các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn; đối với hộ nộp thuế là gia đình liệt sỹ.

- Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011) và Nghị quyết số 28/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017) quy định miễn thuế SDĐNN đến hết năm 2020 đối với:

(i) Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối.

(ii) Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.

(iii) Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:

+ Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;

+ Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

+ Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SDĐNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

(iv) Diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì phải nộp 100% thuế SDĐNN trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai.

- Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 đến hết năm 2020 cho các đối tượng còn lại đang phải nộp thuế SDĐNN, gồm:

+ Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;

+ Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

+ Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SDĐNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

+ Diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Đối với tổ chức được Nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SDĐNN.

- Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 về kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12. Theo đó, hiện hành, chính sách thuế SDĐNN đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, hiện nay thuế SDĐNN đang được miễn theo Luật Thuế SDĐNN, theo Nghị quyết số 55/2010/QH12; Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản

xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, Nghị quyết số 107/2020/QH14 của Quốc hội chỉ thực hiện miễn thuế SDDNN đến hết ngày 31/12/2025.

Việc thực hiện miễn thuế SDDNN theo quy định hiện hành trên thực tế không gặp vướng mắc. Trong quá trình tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện, các địa phương đều đề xuất tiếp tục thực hiện miễn thuế SDDNN cho giai đoạn tiếp theo.

Theo đó, để tiếp tục thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước, tiếp tục thực hiện các kết quả đã đạt được của chính sách miễn thuế SDDNN thì cần thiết phải tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN trong giai đoạn tới.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thúc đẩy chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Góp phần khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường quốc tế.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN.

4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động tích cực:

+ Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN trong giai đoạn tới là phù hợp và góp phần thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về “*tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*” và tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

+ Về tính phù hợp với hệ thống pháp luật:

Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN đến là phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024 về tập trung, tích tụ ruộng đất và các định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, đảm bảo an ninh lương thực và ổn định KT-XH.

Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với việc SDĐNN; góp phần khuyến khích SDĐNN hiệu quả và đồng bộ của hệ thống pháp luật. Thông qua việc kê khai để xác định số thuế SDĐNN được miễn, Nhà nước kiểm soát và quản lý việc SDĐNN tới từng xã, nắm được sự biến động và tình hình quản lý, SDĐNN ở từng địa phương, góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với đất đai và hạn chế tình trạng đất bỏ hoang không đưa vào sử dụng.

+ Về KT-XH:

Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN góp phần thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Cùng với việc triển khai có hiệu quả chính sách ưu đãi đối với ngành nông nghiệp thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN trong giai đoạn tiếp theo là một giải pháp khuyến nông góp phần nâng cao giá trị gia tăng và kết nối chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, từ đó, đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và hướng tới phát triển một nền nông nghiệp bền vững, nâng cao sức cạnh tranh của mặt hàng nông sản của Việt Nam trên thị trường thế giới.

Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN góp phần khuyến khích tập trung, tích tụ đất nông nghiệp. Cùng với các chính sách ưu đãi phát triển nông nghiệp, chính sách miễn thuế SDĐNN là một trong những chính sách tài chính quan trọng góp phần thực hiện chính sách của Nhà nước về khuyến khích hình thức phát triển kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp¹.

Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN là giải pháp hỗ trợ giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp, từ đó, tạo động lực và khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư, sản xuất nông nghiệp, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Ngoài ra, chính sách miễn thuế SDĐNN là hình thức hỗ trợ hiệu quả cho người nông dân do đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp chủ yếu là hộ gia đình, cá nhân lại khó tiếp cận các chính sách hỗ trợ, khuyến khích của Nhà nước². Việc thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN đối với hộ gia đình, cá nhân cùng với các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp sẽ tạo ra thể chế chính sách ưu đãi thống nhất, hợp lý để khuyến khích các nguồn lực đầu tư của xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp.

Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN góp phần hỗ trợ trực tiếp cho người nông dân, nâng cao mức sống và góp phần xây dựng nông thôn mới. Việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN có hiệu ứng về mặt xã hội là thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển hình thức kinh tế trang trại và ứng dụng khoa học công nghệ đã tạo ra nhiều việc làm hơn trong khu vực nông thôn, giảm áp lực lao động di làm tại các địa phương khác hoặc xuất khẩu lao động, từ đó giúp tăng thu nhập cho lực lượng lao động nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh các chính sách nâng cao năng lực, đào tạo

¹ Điều 192, Điều 193 Luật Đất đai năm 2024.

² Trong các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư vào nông nghiệp thì đối tượng được hỗ trợ chủ yếu là doanh nghiệp, trong đó người sản xuất nông nghiệp thường có quy mô hộ hoặc trang trại.

lao động ngành nông nghiệp của Nhà nước để tăng năng suất lao động, tạo nguồn lực phát triển nông nghiệp thì việc tiếp tục miễn thuế SĐĐNN là một trong các giải pháp phù hợp nhằm tạo thêm việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp tại khu vực nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo.

+ Về tính phù hợp với các thông lệ quốc tế:

Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SĐĐNN phù hợp với thông lệ quốc tế về xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp. Bên cạnh các chính sách hỗ trợ, khuyến khích dành cho lĩnh vực nông nghiệp³, trợ cấp nông nghiệp⁴ thì miễn thuế SĐĐNN được sử dụng chủ yếu như một kênh hỗ trợ người nông dân và khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực.

Thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế khu vực và thế giới, đến nay, Việt Nam đã và đang tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA)... Việc miễn thuế SĐĐNN không trái với các cam kết quốc tế của Việt Nam về thuế trong Hiệp định nông nghiệp của WTO, Hiệp định EVFTA và CPTPP.

+ Về thủ tục hành chính:

Việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn thuế SĐĐNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016) và Nghị quyết số 107/2020/QH15 nên không chứa các thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.

+ Về vấn đề bình đẳng giới:

Việc kéo dài thời gian thực hiện miễn thuế SĐĐNN không có quy định tạo ra sự phân biệt về giới.

Như vậy, việc tiếp tục duy trì miễn thuế SĐĐNN là phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc sử dụng chính sách thuế như công cụ tài chính để góp phần khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp.

- Tác động tiêu cực: Thực hiện theo giải pháp này thì không có hạn chế đáng kể nào do hiệu ứng tích cực về tác động KT-XH của việc thực hiện miễn thuế SĐĐNN theo Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14

³ Như không đánh thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (Ấn Độ); ưu đãi thuế VAT đối với các sản phẩm nông nghiệp (Mỹ, Hà Lan), miễn thuế chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (Úc).

⁴ Ví dụ như nông dân các nước khu vực Châu Âu đều được hưởng chương trình trợ cấp nông nghiệp (EU's Common Agricultural Policy) vì họ sở hữu hoặc quản lý đất đai.

và Nghị quyết số 107/2020/QH14 trong thời gian qua, ngoại trừ việc kéo dài thời gian miễn thuế SDDNN sẽ không làm tăng số thu NSNN.

5. Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Quy định kéo dài thời hạn miễn thuế SDDNN theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH15 trong thời gian tới phù hợp thẩm quyền của Quốc hội. Nội dung thể hiện cụ thể tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

II. Quy định về thời hạn miễn thuế SDDNN

1. Xác định vấn đề bất cập

Đánh giá sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn⁵ cho thấy nông nghiệp đã tiếp tục phát triển cả về quy mô, trình độ sản xuất, duy trì tăng trưởng ở mức khá cao, tuy nhiên, nông nghiệp phát triển còn thiếu bền vững, tổ chức sản xuất kinh doanh chủ yếu vẫn dựa vào nông hộ nhỏ, thiếu liên kết, thu hút đầu tư cho phát triển nông nghiệp ở nông thôn gặp nhiều khó khăn.

Miễn thuế SDDNN là hình thức hỗ trợ trực tiếp tới người nông dân, là nguồn đầu tư tài chính quan trọng trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó giúp người nông dân cải thiện cuộc sống, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, nếu thời kỳ ưu đãi kéo dài sẽ tăng áp lực lên NSNN, ngược lại nếu thời gian ưu đãi ngắn thì chi thu hút được các dự án ngắn hạn hoặc có thể dẫn đến hiện tượng chuyển vốn sang đầu tư sang lĩnh vực khác khi hết thời hạn miễn thuế.

Để đảm bảo thực hiện các mục tiêu đến năm 2030 tốc độ tăng trưởng GDP nông lâm thủy sản bình quân từ 3-3,2%/năm⁶, góp phần động viên người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất trên diện tích đất của mình, từ đó có điều kiện nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống; đồng thời cũng đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH (tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn có nêu: *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta*) thì cần thiết phải đề xuất thời hạn miễn thuế SDDNN cho phù hợp.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

⁵ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁶ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Phù hợp với điều kiện, tình hình phát triển KT-XH từng thời kỳ.

3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Quy định thời gian miễn thuế SDDNN là 5 năm (tiếp tục miễn thuế SDDNN từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030).

4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động tích cực:

+ Tác động về KT-XH:

Việc quy định thời gian miễn thuế SDDNN là 5 năm phù hợp với thực tế sản xuất nông nghiệp, đời sống khu vực nông thôn và định hướng phát triển KT-XH của đất nước. Việt Nam đang trong quá trình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, có nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhau. Do tác động nặng nề của dịch bệnh và biến động địa chính trị toàn cầu, tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong nửa đầu của kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã chậm lại đáng kể. Theo báo cáo kinh tế giữa kỳ 2021-2025 của Quốc hội⁷, việc đảm bảo phấn đấu đạt chỉ tiêu GDP bình quân 5 năm khoảng 6,5-7% là rất khó khăn. Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, nhiều chính sách ưu đãi cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân đã được ban hành góp phần làm thay đổi đáng kể nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

Việc tiếp tục thực hiện miễn thuế trong thời hạn 5 năm 2026-2030 sẽ góp phần động viên người nông dân yên tâm sản xuất, thể hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phù hợp với Chiến lược phát triển KT-XH 5 năm, Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp⁸, chu kỳ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt với cây lâu năm. Ngoài ra, miễn thuế trong giai đoạn 5 năm cũng tương ứng và phù hợp với các điều kiện cam kết về hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần hỗ trợ cho người nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh chính sách thuế đối với đất nông nghiệp sẽ không ảnh hưởng nhiều đến quyền lợi của người nông dân.

+ Tác động về thủ tục hành chính:

Việc quy định thời gian miễn thuế SDDNN là 5 năm không chứa các thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.

⁷ Báo cáo giữa nhiệm kỳ tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2021/QH15 về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025, Nghị quyết số 31/2021/QH15 về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025.

⁸ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030, trong đó đã đề ra các mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp theo từng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030.

+ Tác động về giới:

Việc quy định thời gian miễn thuế SDĐNN là 5 năm không tạo ra sự phân biệt giới.

- Tác động tiêu cực: Do thời gian ưu đãi không nhiều nên có thể chỉ thu hút được các dự án ngắn hạn đầu tư vào nông nghiệp hoặc có thể dẫn đến hiện tượng chuyển vốn sang đầu tư sang lĩnh vực khác khi hết thời hạn miễn thuế.

5. Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Quy định kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH15 trong thời hạn 5 năm (từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030) phù hợp thẩm quyền của Quốc hội. Nội dung thể hiện cụ thể tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

III. Đánh giá tác động của các giải pháp đến giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật

1. Tác động đến giới

Các giải pháp về chính sách nêu trên không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

2. Tác động về thủ tục hành chính

Các giải pháp lựa chọn đều không phát sinh thủ tục hành chính khi thực hiện.

3. Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Bộ máy nhà nước: Các giải pháp đề xuất không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Các giải pháp đề xuất không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: Các giải pháp đề xuất không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: Các giải pháp đề xuất không trái với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: Các giải pháp đề xuất đều phù hợp hoàn toàn với thông lệ quốc tế, nghĩa vụ của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

C. LẤY Ý KIẾN

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đối với dự án Nghị quyết, Bộ Tài chính đã tham khảo ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan với việc lấy ý kiến về dự án Nghị quyết (công văn số .../BTC-CST ngày .../.../2024 của Bộ Tài chính).

D. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Trách nhiệm thi hành Nghị quyết là trách nhiệm của tất cả cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó trách nhiệm chính là Chính phủ với vai trò là cơ quan hành pháp có trách nhiệm tổ chức thi hành.

Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đại biểu Quốc hội giám sát thi hành Nghị quyết. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thi hành Nghị quyết trong phạm vi địa phương.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động chính sách tại dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN./.

BỘ TÀI CHÍNH